

**Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký  
Phần 8**

**佛說阿彌陀經要解講記**

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật

淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép

劉承符居士記

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội năm 2006)

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ và Đức Phong

*(Giải) Bất vị Kiến Tư loạn, cố cảm biến hóa thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi, Sa Bà giới trung, tam hữu diên đảo, vãng sanh Đồng Cư, Phương Tiện, nhị chủng Cực Lạc thế giới.*

*(解) 不為見思亂。故感變化身佛。及諸聖眾現前。心不復起。娑婆界中。三有顛倒。往生同居方便。二種極樂世界。*

*(Giải: Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc làm loạn, nên cảm được thân biến hóa của Phật và các vị thánh hiện tiền. Do tâm chẳng còn dấy lên ý niệm diên đảo thuộc về ba cõi trong thế giới Sa Bà, nên người ấy sẽ sanh vào hai cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Cực Lạc).*

Đoạn văn chú giải này nói tới quả báo thù thắng nhất của sự niệm Phật. Trong phần kinh văn ở trên có một đoạn ghi: “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất diên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ” (Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Khi người ấy mất, tâm chẳng diên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các vị thánh chúng đến trước mặt tiếp dẫn. “*Bất vị Kiến Tư sở loạn*” (chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn), câu này trọng yếu nhất. Nếu chẳng đạt tiêu chuẩn này, sẽ chẳng thể vãng sanh. Lúc bình thường, đối với pháp thế gian và Phật pháp luôn có thể chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tức là chẳng bị cảnh giới nhiễu loạn, sẽ quyết định vãng sanh. Công phu này là “*năng cảm*” (chủ thể tạo ra sự cảm ứng), Phật đến tiếp dẫn là “*sở cảm*” (điều được cảm ứng). Trong tâm chẳng còn có [những vọng niệm thuộc về] “*tam hữu*” của thế giới Sa Bà nữa. “*Tam hữu*” là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, và Vô Sắc Giới Hữu. Nói cách khác, hết thấy cảnh duyên trên trời hay trong cõi người

đều chẳng động tâm thì sẽ có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư.

**(Giải) Bất vị Nhị Biên loạn, cố cảm thụ dụng thân Phật, cập chư thánh chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến diên đảo, vãng sanh Thật Báo, Tịch Quang nhị chủng Cực Lạc thế giới.**

**(解) 不為二邊亂。故感受用身佛。及諸聖眾現前。心不復起生死涅槃二見顛倒。往生實報寂光二種極樂世界。**

**(Giải: Chẳng bị Nhị Biên nhiễu loạn nên cảm được thân thụ dụng của Phật và các vị thánh hiện tiền, tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải diên đảo sanh tử và Niết Bàn nên sanh về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của thế giới Cực Lạc).**

Người vãng sanh được thấy Hóa Thân hay là Báo Thân, A Di Đà Phật trọn chẳng phân biệt, đây là do hạnh nguyện của chúng sanh niệm Phật cảm thành. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng. Cảm ứng đạo giao, pháp vốn sẵn như thế. Điều này cũng cho thấy “*sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi*”. Niệm đến Lý nhất tâm thì đức Phật hiện ra tiếp dẫn khi lâm chung là Báo Thân Phật. “*Tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến diên đảo*” (Tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải diên đảo là sanh tử và Niết Bàn), sanh tử là một bên, còn Niết Bàn là bên kia, người ta thường có ý niệm phân biệt ấy, ngõ thế giới Sa Bà là bên này, còn Cực Lạc là bên kia. Niệm đến Lý nhất tâm thì những ý niệm ấy đều chẳng còn nữa, tâm thật sự thanh tịnh, có thể sanh về cõi Thật Báo và Thường Tịch Quang của Tây Phương.

**(Giải) Đương trì chấp trì danh hiệu, ký giản dị, trực tiếp, nhưng chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm.**

**(解) 當知執持名號。既簡易直捷。仍至頓至圓。以念念即佛故。不勞觀想。不必參究。當下圓明。無餘無欠。**

**(Giải: Hãy nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu tuy đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, mà lại viên đốn tốt bậc, bởi mỗi niệm chính là Phật, chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, mà ngay trong khi niệm Phật ấy bèn viên minh, chẳng thừa, chẳng thiếu).**

Một câu Phật hiệu là pháp môn đại tổng trì của toàn thể Phật pháp, không chỉ là hết thảy pháp do Phật Thích Ca đã nói trong một đời Ngài mà thậm chí vô lượng pháp môn của mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều chẳng lìa khỏi một câu A Di Đà Phật. Do vậy, A Di Đà Phật là pháp môn thù thắng bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật độ chúng sanh thành tựu Phật đạo. Phải là pháp “đơn giản, dễ dàng ai cũng có thể tu được” thì mới có thể gọi là “*bậc nhất*”. “*Chí viên, chí đốn*”, “*đốn*” (頓) là nhanh chóng siêu thoát, từ địa vị phàm phu liền thành Phật. “*Chí viên*” là viên mãn đến cùng cực. Khi tôi mới học Phật, các

đồng tham đạo hữu thảo luận pháp, có nêu ra một câu hỏi: “Nếu một chúng sanh tạo tội cực nặng lập tức phải đọa vào tam đồ, Phật có năng lực siêu độ kẻ ấy ngay lập tức hay chăng? Nếu không có năng lực thì vạn đức vạn năng chỉ là mỹ từ ca ngợi Phật, chứ không phải là thật”. Sau khi đọc kinh Tịnh Độ, tôi mới biết đức Phật quả thật có năng lực ấy. Quán Kinh nói kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung mười niệm hoặc một niệm đều có thể vãng sanh, đã vãng sanh sẽ chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, nhanh chóng đến cực điểm, viên mãn đến cực điểm. Vấn đề là có tin hay không! Kinh Đại Thừa nói “*hết thấy pháp từ tâm tưởng sanh*”, niệm niệm tưởng Phật thì Phật sẽ hiện tiền. Phạm phu nghĩ đến tham, sân, si, mạn, đọa trong tam ác đạo. Tâm tham nặng nề sẽ biến thành ngạ quỷ, tâm sân hận nặng nề sẽ đọa địa ngục, tâm ngu si nặng nề sẽ biến thành súc sanh. Người niệm Phật niệm niệm duyên theo Phật, khởi lên sự cảm ứng đạo giao với Tây Phương Cực Lạc, sẽ có hy vọng sanh về Tây Phương.

*(Giải) Thượng thượng căn, bất năng du kỳ khốn. Hạ hạ căn diệt năng trần kỳ vực. Kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thắng tấn, diệt bất nhất khái. Khả vị: Hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ triệt để bi tâm, vô vãn tự thuyết, thủ thâm thán kỳ nan tín dã.*

(解) 上上根。不能踰其閫。下下根亦能臻其域。其所感佛。所生土。往往勝進。亦不一概。可謂橫該八教。豎徹五時。所以徹底悲心。無問自說。且深歎其難信也。

*(Giải: Bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài cửa ải này, mà kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, [do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau<sup>1</sup>. Có thể nói là [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời. Do vậy, [đức Phật] vì tâm bi triệt để, chẳng ai hỏi mà tự nói, lại còn khen ngợi sâu xa pháp này khó tin).*

Khốn (閫) có nghĩa là phạm vi. Chữ “*thượng thượng căn*” chỉ Đẳng Giác Bồ Tát, như ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ trong hội Hoa Nghiêm. “*Hạ hạ căn*” là chúng sanh trong địa ngục, bao gồm chín pháp giới chẳng còn sót, đều bình đẳng phổ độ, bình đẳng thành tựu. Còn như công phu tu học của mỗi người tuy sâu hay cạn [khác nhau], nhưng hẳn sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, thần thông, đức năng đều giống như A Di Đà Phật, thật chẳng thể nghĩ bàn. Có thể nói là “*hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời*” (theo chiều ngang trùm khắp tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời). Các vị đại đức thuở xưa đã chia giáo pháp trong cả một đời Phật Thích Ca thành “*hóa nghi tứ*

---

<sup>1</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký.

giáo” và “hóa pháp tứ giáo”. Trong hóa pháp (giáo pháp được phân loại theo nội dung giảng dạy) có Tạng, Thông, Biệt và Viên, trong hóa nghi (phương thức giáo hóa chúng sanh) thì có Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định. “*Thụ triệt ngũ thời*”: Những giáo pháp do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm được chia thành “năm thời” (năm giai đoạn hóa độ) là Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và Pháp Hoa - Niết Bàn. Một câu A Di Đà Phật gồm trọn năm thời tám giáo chẳng thừa, chẳng thiếu. Do tâm bi triệt để, đức Phật nói pháp môn này, không ai hỏi mà tự nói, quả thật khó tin.

**(Giải) Vấn: Quán Kinh chuyên minh tác quán, hà vị bất lao quán tưởng?**

**Đáp: Thử nghĩa tức xuất Quán Kinh. Bỉ kinh nhân thắng quán phi phạm phu tâm lực sở cập, cố u đệ thập tam, biệt khai liệt tượng chi quán, nhi chương trọng giả, do bất năng niệm bỉ Phật, cố u đệ thập lục, đại khai xưng danh chi môn. Kim kinh nhân mật thể chương trọng giả đa, cố chuyên chủ đệ thập lục quán. Đương tri nhân căn tuy độn, nhi trọng lục, bất xích chi tượng thân, Vô Lượng Thọ Phật chi danh tự, vị thường bất “tâm tác, tâm thị”. Cố quán liệt giả, bất lao thắng quán, nhi xưng danh giả, tịnh bất lao quán tưởng dã.**

(解) 問。觀經專明作觀。何謂不勞觀想。

答。此義即出觀經。彼經因勝觀非凡夫心力所及。故於第十三。別開劣像之觀。而障重者。猶不能念彼佛。故於第十六。大開稱名之門。今經因末世障重者多。故專主第十六觀。當知人根雖鈍。而丈六八尺之像身。無量壽佛之名字。未嘗不心作心是。故觀劣者。不勞勝觀。而稱名者。並不勞觀想也。

**(Giải: Hỏi: Quán Kinh chuyên giảng về cách quán tưởng, sao [ở đây] lại nói “chẳng phải nhọc công quán tưởng?”**

**Đáp:** Nghĩa này vốn lấy từ Quán Kinh. Kinh ấy do thấy tâm lực của phạm phu chẳng thể kham nổi phép Quán thù thắng nên trong phép Quán thứ mười ba đã dạy riêng cách quán tượng Phật thấp kém<sup>2</sup>. Nhưng kẻ chương nặng vẫn chẳng thể niệm đức Phật ấy [bằng phương pháp Quán Tượng Niệm Phật] nên trong phép Quán thứ mười sáu, mở rộng môn xưng danh. Do trong đời Mật, kẻ chương nặng đồng đảo mà kinh này chuyên chú nơi phép Quán thứ mười sáu. Hãy nên biết rằng: Căn tánh của con người tuy chậm lụt, nhưng thân tướng tượng Phật cao trọng sáu hoặc tám thước và danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật chưa bao giờ chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Vì thế, người quán tượng

<sup>2</sup> Gọi là “quán tượng thấp kém” (quán liệt tượng) vì tượng dù có to cách mấy vẫn chẳng thể sánh bằng chân thân của Phật. Hơn nữa, trong cách quán này, chỉ dạy quán thân Phật cao một trượng sáu, tức là quán Ứng Thân, thua xa vẻ đẹp thù thắng của Báo Thân nên gọi là “liệt tượng” (tượng kém hèn). Hơn nữa, tượng trong thế gian dù đẹp cách mấy vẫn không có cách nào diễn tả một phần vẻ đẹp thù thắng của ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ (tùy hình hảo) nơi Liệt Ứng Thân nên gọi là “kém hèn”.

*Phật thấp kém thì chẳng nhọc sức tu tập pháp quán tưởng thù thắng, còn người xưng danh thì chẳng cần phải mất công quán tưởng).*

Đây là lời vấn đáp do đại sư đặt ra nhằm phá trừ nỗi ngờ vực của chúng ta. Có người hỏi: “*Quán Kinh chuyên nói cách Quán Tưởng Niệm Phật, vì sao lại chẳng nhọc công quán tưởng?*” Hãy nên biết rằng [ý nghĩa] “chẳng nhọc công quán tưởng” rút từ Quán Kinh. Từ phép Quán thứ nhất là phép Quán mặt trời lặn giống như cái trống treo cho đến phép quán thứ mười hai đều là Quán Tưởng Niệm Phật, chúng ta do tâm lực phàm phu sẽ chẳng thể quán thành tựu được. Đơn giản nhất là phép Quán đầu tiên, khi mặt trời lặn xuống bên núi, [trông giống] như cái trống treo, mở mắt thấy mặt trời, nhắm mắt cũng thấy mặt trời, đó là cách Quán đơn giản nhất. Từ đây trở đi, mỗi tầng sau phức tạp hơn tầng trước, trọn chẳng phải là những điều chúng sanh trong thời Mạt Pháp có thể thực hiện được. Trí Giả đại sư tu Quán thành công, Ngài sống vào đời Đường, vẫn còn thuộc thời kỳ Tượng Pháp. Pháp Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật, quán thân tử kim cao một trượng sáu, tượng bằng đất đắp hay gỗ khắc đều được, hằng ngày nhìn tượng Phật, in vào trong óc. Trong nhà người tu hành có phòng thờ Phật, người ấy có đại phước báo, chẳng cần phải làm việc, cuộc sống có kẻ chăm sóc, cung phụng, hằng ngày nhìn tượng Phật. Hễ rời khỏi tượng Phật, công phu bị gián đoạn. Phép Quán thứ mười sáu, tức phép Quán sau cùng, là trì danh niệm Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể niệm Phật, chẳng bị hạn chế bởi hoàn cảnh, công phu chẳng gián đoạn. Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể quán tưởng thành tựu được, [mà cũng] không có phước báo quán tượng. Do vậy, đức Phật mở ra pháp môn Niệm Phật, đơn giản, dễ hành, thù thắng khôn sánh. Những người chỉ dựa vào một câu Phật hiệu mà thành tựu thì trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện chỗ nào cũng có. Quán tưởng, quán tượng, trì danh đều là “*tâm tác, tâm thị*”. “*Tâm tác*” là “*thị tâm tác Phật*” (tâm này làm Phật), “*tâm thị*” là “*thị tâm thị Phật*” (tâm này là Phật), đạo lý tương đồng.

**(Giải) Vấn: Thiên Kỳ, Độc Phong chư Tổ, giai chủ tham “niệm Phật giả thị thù”. Hà vị bất tất tham cứu?**

**Đáp: Thử nghĩa tức xuất Thiên Kỳ chư Tổ. Tiên Tổ nhân niệm Phật nhân bất khế Thích Ca triệt để bi tâm, cố bàng bất cam, trực hạ cật vấn, nhất mãnh đề tỉnh, hà chỉ trường dạ phục đán. Ngã bối chí kim nhật, do bất khăng tử tâm niệm Phật, khổ dục chấp xao môn ngô tử, hướng ốc lý dã thân sanh gia nương, tặc w chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã.**

**(解) 問。天奇毒峰諸祖。皆主參念佛者是誰。何謂不必參究。**

**答。此義即出天奇諸祖。前祖因念佛人不契釋迦徹底悲心。故傍不甘。直下詰問。一猛提醒。何止長夜復旦。我輩至今日。**

猶不肯死心念佛。苦欲執敲門瓦子。向屋裡打親生爺娘。則於諸祖成惡逆。非善順也。

*(Giải: Hỏi: Các vị Tổ Thiên Kỳ và Độc Phong đều chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”, sao lại bảo là chẳng cần phải tham cứu?)*

*Đáp: Nghĩa này phát xuất từ ngài Thiên Kỳ và các vị Tổ khác. Các Tổ đời trước do thấy người niệm Phật chẳng khế hợp tâm bi triệt để của Phật Thích Ca, nên ở bên cạnh chẳng đành lòng, phải vặn hỏi ngay câu ấy để mạnh mẽ đánh thức [người niệm Phật], chứ đâu phải chỉ là muốn làm cho họ chấm dứt đêm dài bất giác, sáng suốt trở lại? Bọn chúng ta cho đến nay vẫn chẳng chịu chết lòng niệm Phật, cứ khổ sở muốn cầm hòn ngói gõ cửa ấy để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà, như vậy là đã trở thành kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ có phải là kẻ vông thuậ đâu!)*

Thiên Kỳ và Độc Phong đều là các vị tổ sư trong Thiên Tông. Thiên Kỳ là Bồn Thụy thiên sư, Độc Phong là Bồn Thiện thiên sư<sup>3</sup>. Hai ngài chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?” Cổ nhân gọi đó là Thiên Tịnh Song Tu. Đại sư thật sự có kiến địa, đã hiểu rõ thấu triệt ý Tổ nên mới có thể nói ra những lời này. Người ta thường chỉ nghe rồi bèn hiểu nghĩa theo mặt chữ, chứ thật sự chẳng biết “ý nằm ngoài lời”, nghe lầm ý nghĩa lời nói [của chư Tổ nhà Thiên]. Các vị ấy trông thấy người niệm Phật chẳng có niềm tin thật sự, nguyện thiết tha, chẳng thể chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật cầu được vắng sanh, cô phụ bi tâm triệt để của Phật Thích Ca.

“Cổ bàng bất cam” là trông thấy cảnh ấy chẳng đành lòng. Đức Thế Tôn đã đem pháp môn tu hành thành Phật của chính mình giải bày hết cả ra, hoàn toàn nói ra, chẳng giấu diếm mảy may nào. Như trong phần trên đã nói, các kinh điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa giống như trăng mười bốn, còn kinh này do đức Phật tuyên dạy bằng lòng Bi triệt để thì mới là trăng rằm. Các vị Tổ như Thiên Kỳ trông thấy mọi người tuy y giáo phụng hành, nhưng chẳng biết “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” nên mới nói ra câu ấy, hỏi người niệm Phật là ai.

---

<sup>3</sup> Ngài Thiên Kỳ Bồn Thụy là danh tăng tông Lâm Tế sống vào đời Minh, không rõ năm sanh và năm mất, họ Giang, tự là Thiên Kỳ, người Chung Lăng, phủ Nam Xương, được người đời gọi là Quỳnh Tuyết Lão Nhân. Năm 20 tuổi, Sư tham yết ngài Vô Thuyết Năng ở Kinh Môn, được thế độ xuất gia. Không lâu sau, sang đất Thục tham yết các bậc kỳ túc. Về sau, đến Cao Phong, tham yết ngài Bảo Phong Minh Tuyên, được ấn khả, trở thành người nối pháp đời thứ 29 của dòng Thiên Nam Nhạc. Sư còn để lại tác phẩm Quỳnh Tuyết Lão Nhân Thiên Kỳ Trực Chú Vân Đậu Hiền Hòa Thượng Tụng Cổ và Thiên Đòng Hòa Thượng Tụng Cổ.

Ngài Độc Phong Bồn Thiện cũng sống vào đời Minh, tổ quán tại Phụng Dương, nhưng Sư được sanh ra tại Lôi Dương (Quảng Đông), họ Ngô, ưa thích Phật học từ nhỏ, xuất gia năm mười bảy tuổi. Thoạt đầu câu pháp với hòa thượng Nguyên Minh, được thầy dạy quán công án chữ Vô. Năm Chánh Thống thứ tám, Sư tham học với ngài Vô Tế tại đất Mân, nghe tiếng chuông bèn tỉnh ngộ. Về sau lần lượt tham học với các vị Mông Ân, Sở Sơn, Nguyệt Khê, được ngài Nguyệt Khê ấn khả. Từ đấy, Sư bé quan dụng công. Sau đấy, Sư được thỉnh làm tổ khai sơn chùa Tam Tháp ở Tây Hồ và nhiều ngôi chùa khác ở vùng Giang Nam.

Ngũ Lục [của ngài Thiên Kỳ] chép như thế này: Ngài Thiên Kỳ dạy đại chúng, nói: “*Suốt ngày niệm Phật, chẳng biết toàn thể là Phật. Nếu chẳng biết thì chỉ khán câu người niệm là ai?*” Văn hỏi thẳng thừng bằng câu ấy để mạnh mẽ lay tỉnh, hy vọng nhờ câu nói ấy mọi người sẽ đột nhiên khai ngộ, chứ trọn chẳng phải là bảo quý vị hãy kiểm xem người niệm Phật là ai! Tự mình niệm Phật mà còn hỏi người niệm Phật là ai thì chẳng phải là nói giỡn ư?

“*Hà chỉ tròng dạ phục đản*”: “*Tròng dạ phục đản*” là nói tỷ dụ, chúng sanh từ vô thi đến nay do một niệm bất giác, tạo sanh tử luân hồi [ví như ở mãi trong đêm dài, nên nói là “*tròng dạ*”]. Tổ sư dùng một câu nói để mạnh mẽ đánh thức họ, phá vô minh, thấy được bản tánh, thì gọi là “*phục đản*” (trời sáng trở lại). [“*Hà chỉ tròng dạ phục đản*” nghĩa là] đâu phải chỉ nhằm phá mê, khai ngộ! Nếu chỉ nhằm phá mê khai ngộ thì có phải là không bằng tham cứu hay sao? Đây chính là trực tiếp chỉ dạy hành giả hãy cầu sanh Tịnh Độ. Người thật sự thấy tánh giác ngộ, không một ai chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều là những bậc đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh mà vẫn cầu sanh về Tịnh Độ, vì cầu sanh Tịnh Độ sẽ thành tựu nhanh chóng. Chẳng sanh về Tịnh Độ thì sau khi minh tâm kiến tánh, kinh Hoa Nghiêm nói tu đến khi thành Phật phải mất vô lượng kiếp, đó là lời thật. Đức Thế Tôn nói “*thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp*” là nói quyền biến, chứ nói nhiều hơn sợ chúng sanh sẽ ngã lòng. Người thật sự hiểu rõ, có ai muốn đi theo con đường oan uổng? Như chúng ta là kẻ chưa phá được một phẩm Kiến Tư phiền não nào, sau khi sanh về Tây Phương, chẳng đầy bốn kiếp sẽ thành Phật. Bởi lẽ, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chưa đầy mười kiếp, nhưng trong kinh dạy: “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí, kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa*” (Chúng sanh sanh về đó, đều là bậc Bất Thoái Chuyên, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất đông). Đủ thấy rằng: Số lượng thượng thiện nhân chiếm quá nửa, đều là thành tựu trong vòng mười kiếp, chiếm đại đa số trong những người sống tại Tây Phương. Vì thế, sanh về Tây Phương thành Phật chẳng lâu hơn bốn kiếp.

Hiện thời, chúng ta vẫn chẳng chịu dứt hết tâm niệm mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật, vẫn mong nghiên cứu những kinh điển thuộc pháp môn khác, chính là làm lẫn rất lớn. “*Xao môn chi ngõa*” tức là vật dùng để gọi cửa, tục gọi là “*xao môn chuyên*” (viên gạch để gõ cửa). Trước thời Kháng Chiến còn có thói quen: Nhà người giàu sang có đến mấy lớp cửa, gọi cửa bên ngoài, người bên trong không nghe tiếng, nên khách phải dùng một viên đá nhỏ để đập cửa. Do bi tâm triệt để, Phật Thích Ca dạy chúng ta hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người học Phật vốn phải tuân theo lời thầy dạy bảo mà chuyên tâm niệm Phật, chứ không phải là dốc sức tham cứu trong khi niệm Phật. Nay thì học trò hiểu lầm ý thầy, sẽ giống như dùng hòn gạch gõ cửa để ném chủ nhà vậy.

**(Giải) Tân vấn: Thử tại khảng tâm giả tắc khả, vị khảng giả hà đắc tương ứng?**

*Viết: Y! Chánh duy vị khắng. Sở dĩ, yếu nhĩ khắng tâm tương ứng. Nhữ đấng chánh tín vị khai, như sanh ngư bì, bất khả khuất chiết. Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đấng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đấng cự. Đại Thế Chí Pháp Vương Tử vân: “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”. Thử Nhất Hạnh tam-muội trung, đại hỏa tự ngữ dã. Cảm hữu xúc giả, ninh bất bị thiêu?*

(解) 進問。此在肯心者則可。未肯者何得相應。

曰噫。正唯未肯。所以要肯心相應。汝等正信未開。如生牛皮。不可屈折。當知有目者。固無日下燃燈之理。而無目者。亦何必於日中苦覓燈炬。大勢至法王子云。不假方便。自得心開。此一行三昧中。大火聚語也。敢有觸者。寧不被燒。

(Giải: Lại hỏi cao hơn nữa, điều này đối với người chịu đốc lòng niệm Phật thì được, chứ đối với người chưa chịu thì làm sao [tâm người ấy] tương ứng [với tâm Phật] cho được?

Đáp: Ôi chao! Chính là vì kẻ chưa chịu [đốc lòng niệm Phật, mà nói những lời ấy]. Do vậy, tôi [nói những lời ấy] nhằm làm cho các ông chịu bằng lòng [niệm Phật] hòng được tương ứng. Cái tâm chánh tín của các ông chưa sanh khởi, nó giống như miếng da trâu tươi, không thể xếp hay bẻ gập lại được. Hãy nên biết rằng: Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày! Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nói: “Chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Câu nói này là một đồng lửa to trong Nhất Hạnh tam-muội, có ai dám chạm vào mà chẳng bị nó đốt ư?)

“Khắng giả” là người chịu “tử tâm niệm Phật” (“chết lòng niệm Phật”, ý nói: Đã dứt sạch mọi ý niệm mong ngóng, so lường, tâm nguội lạnh như đã chết, chuyên tâm niệm Phật). Nếu có kẻ chẳng chịu như vậy thì sao? Người đã chịu niệm Phật thì cần gì quở trách, chỉ vì những kẻ không chịu chết lòng niệm Phật nên tổ sư mới giáo huấn họ bằng những câu như thế.

“Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đấng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đấng cự” (Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày): Từ ngữ “hữu mục giả” (kẻ có mắt) nhằm sánh ví những người đã sanh lòng chánh tín, chân tâm, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh. “Vô mục giả” (kẻ không có mắt) là kẻ chưa sanh lòng chánh tín, điều khẩn yếu nhất là phải “chết lòng sát đất” niệm Phật. Trong Tịnh Tông, mười người vãng sanh hết tám chín vị là lòng chánh tín chưa phát sanh, giống những ông bà cụ ăn chay chẳng hiểu biết gì, đối với sự thực lẫn lý luận họ đều chẳng hiểu gì hết, nhưng họ có thể thành công. Hãy nên biết rằng: Pháp môn Niệm Phật là pháp môn đại trí huệ vô thượng, có vô lượng phước huệ và diệu nghĩa, cần gì phải tìm câu lý luận và phương pháp khác. [Hễ tìm cầu] sẽ giống như giữa ban ngày lại đi kiếm đèn,



đuốc! Đại sư lại trích dẫn một đoạn văn tự từ kinh Lăng Nghiêm nhằm chứng minh ý nghĩa “chẳng cần phải tham cứu”: “*Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ vào phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ). “*Bất giả phương tiện*” là chẳng cần nhờ vào những pháp môn khác như tham cứu, quán tưởng v.v..., chỉ một câu Phật hiệu là được rồi! Giống như đồng lửa lớn, có kẻ nào dám chạm vào, làm sao chẳng bị thiêu đốt!

**(Giải) Vấn: Lâm chung Phật hiện, ninh bảo phi ma?**

**Đáp: Tu tâm nhân bất tác Phật quán, nhi Phật hốt hiện, phi bản sở kỳ, cố danh ma sự. Niệm Phật kiến Phật, dĩ thị tương ứng, hướng lâm chung phi trí ma thời, hà tu nghi lự?**

**(解) 問。臨終佛現。寧保非魔。**

**答。修心人不作佛觀。而佛忽現。非本所期。故名魔事。念佛見佛。已是相應。況臨終非致魔時。何須疑慮。**

**(Giải: Hỏi: Lâm chung Phật hiện, há bảo đảm chẳng phải là ma ư?**

**Đáp: Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự. Niệm Phật thấy Phật, tức là tương ứng, hướng chi lâm chung chẳng phải là lúc ma đến, cần gì phải nghi ngờ, lo lắng nữa?)**

Kinh Địa Tạng nói người đời khi lâm chung, thấy người nhà quyến thuộc đã mất của chính mình [hiện đến đón tiếp] thì đây chẳng phải là thật, mà đều là oan gia trái chủ mạo nhận người nhà đến đón, hồng tiếp đón, dẫn dắt người ấy vào ác đạo để trả thù. Người niệm Phật khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, có phải là do ma biến hiện hay không? Đại sư nói: “*Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện ra, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự*”. Chữ “*người tu tâm*” phần nhiều chỉ người tham Thiền, người ấy bình thường chẳng niệm Phật, hễ niệm Phật một tiếng phải súc miệng hai ba ngày. Nếu [kẻ ấy] khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn thì hoàn toàn chẳng phải là điều người ấy mong mỏi, sợ là ma sự! Người niệm Phật không giống như vậy, niệm Phật thấy Phật là chuyện tương ứng. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn là do bốn nguyện của Phật. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi thứ Âm Ma, trong mỗi thứ lại có bao nhiêu đó loại, thời thời khắc khắc vây quanh bên thân người tu hành, nhưng đối với người niệm Phật thì ma cũng chẳng thể làm gì được!

**(Giải) Vấn: Thất nhật bất loạn, bình thời da? Lâm chung da?**

**Đáp: Bình thời dã.**

**Vấn:** *Thất nhật bất loạn chi hậu, phục khởi Hoặc tạo nghiệp, diệc đắc sanh da?*

**Đáp:** *Quả đắc nhất tâm bất loạn chi nhân, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự.*

**Vấn:** *Đại Bản thập niệm, Bảo Vương nhất niệm, bình thời da? Lâm chung da?*

**Đáp:** *Thập niệm thông nhị thời. Thân triều thập niệm, thuộc bình thời. Thập niệm đắc sanh dữ Quán Kinh thập niệm xưng danh đồng, thuộc lâm chung thời. Nhất niệm tắc dẫn ước lâm chung thời.*

**Vấn:** *Thập niệm, nhất niệm tịnh đắc sanh, hà tu thất nhật?*

**Đáp:** *Nhược vô bình thời thất nhật công phu, an hữu lâm chung thập niệm, nhất niệm. Túng Hạ Hạ Phẩm nghịch ác chi nhân, tịnh thị túc nhân thành thực, cố cảm lâm chung ngộ thiện hữu, văn tiện tín nguyện. Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Vấn xích thử tối tường. Kim nhân bất khả bất độc.*

(解) 問。七日不亂。平時耶。臨終耶。

答。平時也。

問。七日不亂之後。復起惑造業。亦得生耶。

答。果得一心不亂之人。無更起惑造業之事。

問。大本十念。寶王一念。平時耶。臨終耶。

答。十念通二時。晨朝十念。屬平時。十念得生。與觀經十念稱名同。屬臨終時。一念。則但約臨終時。

問。十念一念並得生。何須七日。

答。若無平時七日工夫。安有臨終十念一念。縱下下品逆惡之人。並是夙因成熟。故感臨終遇善友。聞便信願。此事萬中無一。豈可僥倖。淨土或問。斥此最詳。今人不可不讀。

(Giải: Hỏi: Bảy ngày chẳng loạn là lúc bình thường hay lúc lâm chung?)

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau khi đã đắc bảy ngày chẳng loạn, lại dấy phiền não, tạo nghiệp thì cũng được vãng sanh ư?

Đáp: Nếu là người thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì không còn có chuyện dấy lên phiền não, tạo nghiệp nữa!

Hỏi: Mười niệm trong kinh Đại Bản và một niệm trong luận Bảo Vương là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: “Mười niệm” là nói chung cả hai thời điểm ấy. Mười niệm vào lúc sáng sớm thuộc lúc bình thường. Mười niệm được vãng sanh [trong lời nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ] giống như “mười niệm xưng danh”

[được nói trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh] của Quán Kinh, đều thuộc về lúc lâm chung. Còn một niệm [như trong luận Bảo Vương nói] thì thuộc về lúc lâm chung.

Hỏi: Mười niệm và một niệm đều được vãng sanh thì cần gì phải bảy ngày [nhất tâm bất loạn]?

Đáp: Nếu lúc bình thường không có công phu bảy ngày [nhất tâm bất loạn] thì làm sao có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung được? Dẫu là kẻ nghịch ác thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều là do cái nhân trong đời trước đã chín muồi nên cảm vờ khi lâm chung gặp thiện hữu, vừa nghe nói [về pháp môn Tịnh Độ] liền tín nguyện. Chuyện này trong một vạn trường hợp chẳng có được một, há nên cầu may ư? Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn bài xích quan điểm cầu may này tường tận nhất, người đời nay chẳng thể không đọc!).

Chúng ta lúc bình thường đã Phật thất, định thời hạn cầu chứng đắc, cầu nhất tâm bất loạn. Có kẻ hoài nghi, sau khi đắc nhất tâm bất loạn thì phiền não lại dấy lên, tạo nghiệp, thì phải nên làm sao? Đại sư cười gỡ mọi nghi, dạy: Nếu thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì sẽ vĩnh viễn đạt được, chẳng bị mất đi; chứ không phải là do sức trần định yếu ớt, chẳng thể chống chọi những dụ dỗ, mê hoặc! Nếu tâm lại loạn thì là do trước đó hoàn toàn chưa đạt được nhất tâm bất loạn.

Lại có người hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói mười niệm, kinh Bảo Vương<sup>4</sup> nói một niệm, rốt cuộc là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung? Đại sư trả lời: “Thập niệm thông nhị thời” (Mười niệm là nói chung cả hai thời điểm ấy). Người công việc bận rộn đối với thời khóa buổi sáng dùng cách Thập Niệm, mỗi ngày thực hiện khóa sáng không thiếu sót thì cũng phù hợp với lời dạy “nhất hương chuyên niệm” trong kinh Vô Lượng Thọ. Lúc lâm chung, tâm niệm Phật khẩn thiết, tâm sám hối sâu nặng, có sức mạnh rất lớn, cho nên khi lâm chung từ một niệm cho đến mười niệm sẽ được vãng sanh, giống như trường hợp của ông Trương Thiện Hòa.

Nếu có kẻ nói mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh thì lúc bình thường cần gì phải niệm Phật? Đại sư nói, nếu không có công phu bảy ngày lúc bình thường, làm sao có một niệm hay mười niệm lúc lâm chung cho được? Có những người đến lúc cuối cùng mười niệm quyết định vãng sanh, nhưng cơ duyên này chẳng nhiều! Có kẻ khi lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể niệm Phật được! Chẳng thể chết tốt lành chính là phước mỏng, lúc bình thường phải tu phước. Lâm chung chợt gặp được Phật pháp, nghe xong liền phát tâm cầu nguyện

---

<sup>4</sup> Ở đây chắc là người ghi lại lời giảng đã chép lầm, vì Bảo Vương Kinh là tên gọi tắt của Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh; đây là một bộ kinh giảng về duyên khởi, lực dụng, và phép tu trì Lục Tự Đại Minh Chú (tức thần chú “Om, mani padme hum”), hoàn toàn chẳng nói gì tới chuyện vãng sanh hay pháp môn Tịnh Độ. Bảo Vương được Tổ Ngẫu Ích nhắc tới ở đây chính là sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận do pháp sư Phi Tích chùa Thảo Đường núi Tử Các soạn vào đời Đường. Trong cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh cũng giảng chữ Bảo Vương ở đây là Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận.

vãng sanh, chính là do thiện căn, phước đức nhiều đời nhiều kiếp hiện tiền, hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên. Do vậy, chúng ta chẳng thể ôm lòng mong được may mắn như thế. Huống chi lúc lâm chung gặp được thiện duyên thì phải có đủ ba điều kiện:

- Thứ nhất, khi lâm chung thần trí sáng suốt.
- Thứ hai, gặp thiện tri thức, khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.
- Thứ ba, người ấy vừa nghe liền có thể tiếp nhận, đồng thời đầy đủ ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh.

Dẫu là kẻ ác nghịch Hạ Hạ Phẩm, do túc nhân chín muồi, nên cảm được [quả báo] lúc lâm chung gặp thiện hữu. Chuyện này trong một vạn trường hợp chưa có được một. Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn trong bộ Tịnh Độ Thập Yêu đã giảng chuyện này rất tường tận, hy vọng mọi người hãy xem thì mới chẳng mang lòng cầu may nữa!

**(Giải) Vấn: Tây Phương khứ thử thập vạn ức độ, hà đắc tức sanh?**

**Đáp: Thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại. Dĩ tâm tánh bản vô ngoại cố, hựu trượng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh? Như kính trung chiếu sổ thập tầng sơn thủy, lâu các, tầng sổ uyển nhiên, thật vô viễn cận, nhất chiếu câu liễu, kiến vô tiên hậu. “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc”, diệc như thị. “Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”, diệc như thị. “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”, diệc như thị. Đương tri, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã.**

**(解) 問。西方去此十萬億土。何得即生。**

**答。十萬億土。不出我現前一念心性之外。以心性本無外故。又仗自心之佛力接引。何難即生。如鏡中照數十層山水樓閣。層數宛然。實無遠近。一照俱了。見無先後。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。亦如是。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。亦如是。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。亦如是。當知。字字皆海印三昧。大圓鏡智之靈文也。**

**(Giải: Hỏi: Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi, làm sao sanh ngay sang ấy được?**

**Đáp: Mười vạn ức cõi chẳng ngoài một niệm tâm tánh hiện tiền của ta, bởi tâm tánh vốn chẳng ở bên ngoài. Hơn nữa, cậy vào Phật lực từ trong tâm tánh tiếp dẫn, khó gì mà chẳng sanh ngay [sang cõi Cực Lạc]? Giống như trong gương chiếu mấy chục tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào tầng nấy rành rành, quả thật**

*chẳng có gần hay xa, hễ vừa soi liền trọn đủ, chẳng thấy có trước hay sau. “Cách đây mười vạn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc”, cũng giống như vậy. “Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp” cũng giống như vậy. “Khi ấy người lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt. Người ấy khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, cũng giống như vậy. Hãy nên biết rằng từng chữ [trong kinh A Di Đà] đều là Hải Ấn tam-muội, là kinh văn thiêng liêng giảng về Đại Viên Kính Trí).*

Ở đây là nghi vấn “khoảng cách giữa Tây Phương và cõi này xa xôi, làm sao đến ngay được?” Kinh Đại Thừa giảng mười pháp giới đều là vật được biến hiện trong tâm tánh. Tâm tánh là Năng Biến (chủ thể có công năng biến hiện), mười phương các cõi Phật là Sở Biến (vật được biến hiện). Tâm tánh có thể biến hiện vô lượng, cõi nước được biến hiện (Sở Biến) cũng vô lượng vô biên. Đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà chỉ có mười vạn ức cõi Phật, nếu đem so với tâm tánh vô lượng thì khoảng cách ấy rất ngắn. Do vậy, kinh nói người niệm Phật vãng sanh Tây Phương chỉ trong khoảng khảy ngón tay liền đến nơi. A Di Đà Phật cũng là A Di Đà Phật trong tự tánh của chúng ta, trọn chẳng phải là ở ngoài tự tánh lại có một vị A Di Đà Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng do tự tánh biến hiện ra. Hơn nữa, do công đức của bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tiếp dẫn, vãng sanh đâu có khó khăn gì? Nếu hiểu rõ ràng đạo lý căn bản này thì tất cả đạo lý trong kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa hễ vừa tiếp xúc đều liền hiểu ngay. Lại giống như đem một tấm gương soi sơn thủy bên ngoài, chẳng thể nào vì ở gần mà chiếu trước, ở xa bên chiếu sau. Vật hiện bóng trong gương quả thật chẳng có xa gần. Chư Phật, Bồ Tát tốt cùng hư không, trọn khắp pháp giới, hễ nghĩ đến nơi đâu liền lập tức đến được nơi đó. Kinh Hoa Nghiêm giảng chuyện này rất rõ ràng, do vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể khế nhập tình huống này. Nếu không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì xa gần lớn nhỏ đều chẳng còn nữa!

Kinh chép: “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ” (Người ấy khi mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt, người ấy khi lâm chung tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Đó gọi là vãng sanh; Phật và thánh chúng chẳng đến mà đến, chẳng đi mà đi. Nói “đến, đi” là dựa theo mặt Sự, nói “chẳng đến, chẳng đi” là luận trên mặt Lý.

“Đương tri, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã”: Từng chữ, từng câu trong kinh này đều là Hải Ấn tam-muội. Chữ “hải” sánh ví sự rộng lớn, cảnh giới bên ngoài đều chiếu xuống mặt biển, tỷ dụ tâm tánh, tâm tánh trọn đủ hết thấy pháp giới, hình dung sâm la vạn tượng và các cảnh sắc đều soi bóng trong biển cả. Nói theo mặt Sự, ánh sáng tròn vẹn của tấm gương tròn lớn chiếu khắp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, không

pháp nào chẳng hiện. Hải Ấn tam-muội biểu thị Thể của tâm tánh, còn Đại Viên Kính Trí biểu thị Dụng của tâm tánh. Dụng là không gì chẳng biết, không pháp nào chẳng hiện, nói rõ từng chữ từng câu trong kinh này đều là lời văn thiêng liêng diễn tả Hải Ấn tam-muội và Đại Viên Kính Trí. Hai câu này nhằm tổng kết, nói rõ địa vị cao vòi vọi và tánh chất trọng yếu của bản kinh này trong toàn bộ Phật pháp. Kinh A Di Đà là tinh hoa của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà được giảng chi tiết. Do vậy, tôi đề nghị mọi người chuyên niệm kinh Vô Lượng Thọ. Căn tánh con người hiện thời yếu hèn, nếu chỉ nhìn vào văn tự thì kinh A Di Đà giống như thần thoại, tiểu thuyết, chẳng ném được ý vị.

**(Giải) Văn: Trì danh phán Hành Hạnh, tắc thị Trợ Hạnh, hà danh Chánh Hạnh?**

**Đáp: Y nhất tâm thuyết Tín Nguyện Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam. Cái vô Nguyện Hạnh, bất danh Chân Tín. Vô Hạnh Tín, bất danh Chân Nguyện. Vô Tín Nguyện, bất danh Chân Hạnh. Kim toàn do tín nguyện trì danh, cố Tín Nguyện Hạnh tam, thanh thanh viên cụ. Sở dĩ, danh “đa thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh “xưng Phật danh cố, niệm niệm trung trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”, thử chi vị dã. Nhược phước thiện bất đa, an năng trừ tội như thử chi đại.**

(解) 問。持名判行行。則是助行。何名正行。

答。依一心說信願行。非先後。非定三。蓋無願行。不名真信。無行信。不名真願。無信願。不名真行。今全由信願持名。故信願行三。聲聲圓具。所以名多善根福德因緣。觀經稱佛名故。念念中除八十億劫生死之罪。此之謂也。若福善不多。安能除罪如此之大。

**(Giải) Hỏi: Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh, thì nó là Trợ Hạnh, chứ sao lại bảo là Chánh Hạnh?**

**Đáp: Dựa theo nhất tâm để nói về Tín - Nguyện - Hạnh thì không có trước sau, không nhất định phải tách ra thành ba thứ. Bởi lẽ, không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín. Không có Hạnh và Tín thì chẳng gọi là Chân Nguyện. Không có Tín và Nguyện thì chẳng gọi là Chân Hạnh. Nay hoàn toàn do tín nguyện mà trì danh nên trong mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ trọn vẹn ba món Tín - Nguyện - Hạnh. Do vậy, gọi là “nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh bảo “do xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về điều này. Nếu phước thiện chẳng nhiều thì làm sao trừ được tội to lớn như thế?)**

“Trì danh phán Hành Hạnh” (Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh) chính là lời phán định của Ngẫu Ích đại sư. “Tín Nguyện” được phán định thuộc về Huệ Hạnh, còn “Hạnh” được phán định thuộc về Định Hạnh. Do vậy, trong

niệm Phật có cả Định lẫn Huệ. Không ít người chẳng thêm đồ công sức nơi Tịnh Tông, chẳng hiểu biết mảy may gì, bảo Niệm Phật là Tiểu Thừa! Thật ra, Niệm Phật là phép Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Hễ hiểu lý thì niệm một câu Phật hiệu là Đại Thừa, nhưng chẳng hiểu lý mà niệm một câu Phật hiệu thì vẫn là Đại Thừa! Thành tựu của người ấy hết thấy Đại Thừa Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, cực viên, cực đốn. Tín Nguyện là Huệ, trì danh là Hạnh, là học Định và Huệ cân bằng, từng câu Phật hiệu đều đầy ấp Định - Huệ, mà còn là viên Định, viên Huệ.

*“Y nhất tâm thuyết Tín - Nguyện - Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam”* (Nếu dựa trên nhất tâm để luận Tín - Nguyện - Hạnh thì chẳng phải là trước sau, không nhất định phải tách rời thành ba thứ): Nhằm nói phương tiện để người nghe sẽ do đó mà thấy được đường lối tu hành nên nói *“tín, nguyện, hạnh”*. Ba món tư lương này nếu xét trong một tâm thì trong một niệm, một câu Phật hiệu tương ứng với Tín, tương ứng với Nguyện, tương ứng với Hạnh, một tức là ba, ba tức là một. Đó gọi là *“tương ứng”*. Nếu trong khi niệm Phật hiệu mà không có tín nguyện, sẽ chẳng đầy đủ ba món tư lương, tức là chẳng tương ứng. Không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín, không có Tín và Hạnh chẳng phải là Chân Nguyện, không có Tín và Nguyện thì chẳng phải là Chân Hạnh. Nếu nhất tâm trì danh, nhất tâm chính là chân tâm, chân tâm chính là Tín - Nguyện - Hạnh trọn đủ viên mãn. Người nhất tâm niệm Phật thì ít mà người tam tâm, nhị ý niệm Phật lại nhiều. Do vậy, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. A Lại Da Thức, Mạt Na Thức, Ý Thức là *“tam tâm”*. Mạt Na là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức, đây là *“nhị ý”*. Nếu phạm phu dùng cái tâm *“tam tâm nhị ý”* để niệm Phật, trì chú, nghiên cứu giáo lý thì đều chẳng tương ứng.

Lục Tổ đại sư nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ, nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”*. Trong kinh này, tự tánh được gọi là *“nhất tâm”*. Mỗi một câu Phật hiệu đầy đủ trọn vẹn ba món tư lương, Tam Học, Tam Huệ. Do vậy, gọi là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quán Kinh dạy: *“Do xưng danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”*. Nếu thiện căn, phước đức không nhiều, làm sao có thể trừ tội nhiều như thế được? Đọc kinh này xong, nếu cảm thấy lời này dường như quá lớn, thì hãy quan sát xem khi niệm Phật, ta dùng tâm tư thái độ nào. Nếu dùng tam tâm nhị ý để niệm thì sẽ chẳng có hiệu quả rõ ràng.

***(Giải) Vấn: Lâm chung mãnh thiết, năng trừ đa tội, bình nhật chí tâm xưng danh, diệt trừ tội phủ?***

***Đáp: Như nhật xuất, quần ám tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.***

***Vấn: Tán tâm xưng danh diệt trừ tội phủ?***

***Đáp: Danh hiệu công đức bất khả tư nghị, ninh bất trừ tội? Đản bất định vãng sanh, dĩ du du tán thiện, nan địch vô thỉ tích tội cố! Đương tri tích tội, giả sử hữu thể tương giả, tận hư không giới bất năng dung thọ. Tuy bách niên trú dạ, Di Đà thập vạn, nhất nhất thanh diệt bát thập ức kiếp sanh tử, nhiên sở***

diệt tội, như trảo thượng thổ. Vị diệt tội, như đại địa thổ. Duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc như kiện nhân đột vi nhi xuất, phi phục tam quân năng chế nhĩ. Nhiên xưng danh tiện vi thành Phật chủng tử, như kim cang chung bất khả hoại. Phật thế, nhất lão nhân cầu xuất gia, ngũ bách thánh chúng giai vị “vô thiện căn”. Phật ngôn: “Thử nhân vô lượng kiếp tiền, vị hổ bức, thất thanh xưng nam-mô Phật. Kim thử thiện căn thành thực, trị ngã đắc đạo, phi Nhị Thừa đạo nhĩ sở tri dã”. Do thử quán chi, Pháp Hoa minh “quá khứ Phật sở, tán loạn xưng danh, giai dĩ thành Phật”, khởi bất tín tai?

(Giải) 問。臨終猛切。能除多罪。平日至心稱名。亦除罪否。

答。如日出。群闇消。稱洪名。萬罪滅。

問。散心稱名亦除罪否。

答。名號功德。不可思議。寧不除罪。但不定往生。以悠悠散善。難敵無始積罪故。當知積罪。假使有體相者。盡虛空界。不能容受。雖百年晝夜。彌陀十萬。一一聲。滅八十億劫生死。然所滅罪。如爪上土。未滅罪。如大地土。唯念至一心不亂。則如健人突圍而出。非復三軍能制耳。然稱名便為成佛種子。如金剛終不可壞。佛世一老人求出家。五百聖眾皆謂無善根。佛言。此人無量劫前為虎徧。失聲稱南無佛。今此善根成熟。值我得道。非二乘道眼所知也。由此觀之。法華明過去佛所。散亂稱名。皆已成佛。豈不信哉。

(Giải: Hỏi: Khi lâm chung mạnh mẽ, thiết tha, có thể trừ được nhiều tội, chứ lúc bình thường chí tâm xưng danh thì cũng trừ được tội ư?)

Đáp: Như mặt trời mọc, mọi tối tăm đều tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội ư?

Đáp: Công đức xưng danh chẳng thể nghĩ bàn, lẽ nào chẳng trừ được tội? Nhưng không nhất định được vãng sanh, bởi lẽ điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thủy. Hãy nên biết rằng tội lỗi đã tích tập nếu có thể tương thì cùng tận cõi hư không chẳng thể chứa đựng được. Dẫu suốt cả trăm năm, mỗi ngày đêm niệm Di Đà mười vạn tiếng, mỗi một tiếng diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, nhưng tội đã diệt giống như đất đọng trên móng tay, còn tội chưa diệt giống như đất trong đại địa. Chỉ trừ niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ giống như người mạnh mẽ đột phá vòng vây xông ra, ba quân chẳng còn có thể khống chế người ấy; nhưng xưng danh sẽ là hạt giống thành Phật, như kim cang trọn chẳng thể hủy hoại. Trong thời đức Phật, một cụ già xin xuất gia, năm trăm vị thánh nhân đều nói cụ không có thiện căn. Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kiếp trước, người này bị hổ đuổi, lạc giọng xưng nam-mô Phật, đến nay thiện căn ấy chín muồi, gặp ta, đắc đạo, đạo nhĩ của Nhị Thừa chẳng thể biết được!” Do đây có thể thấy rằng kinh Pháp Hoa nói người trong quá khứ, ở chỗ Phật, tán loạn xưng danh đều đã thành Phật, há chẳng tin ư?)



Có người hỏi: Khi lâm chung, ý niệm dũng mãnh, tâm nguyện khẩn thiết, trì danh dễ đạt đến nhất tâm, chứ lúc bình thường trong tâm tán mạn, chẳng thể tập trung sức mạnh tinh thần, chẳng sốt sắng như lúc trong lúc khẩn yếu gặp nguy nan, tâm hời hợt hờ hững mà cũng có thể trừ được tội hay chẳng? Đại sư dùng tỷ dụ để trả lời, như mặt trời mọc lên, hết thấy tối tăm đều chẳng còn. Niệm hồng danh Phật thì hết thấy tội chướng đều tiêu diệt. Nhưng cần phải chú ý câu hỏi của người này: Lúc bình thường chí tâm xưng danh cũng có thể trừ tội hay chẳng? Chí tâm chính là nhất tâm, đương nhiên trừ được tội.

Lại hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội hay chẳng? Tâm tán loạn ở đây chẳng phải là nhất tâm. Đại sư đáp: Dùng tâm tán loạn, tam tâm nhị ý để niệm Phật thì cũng trừ được tội, nhưng chẳng chắc chắn sẽ vãng sanh, tùy theo lúc lâm chung có thể chí tâm hay không? Do vậy, bình thường dùng chí tâm để niệm Phật thì lâm chung nhất định sẽ được vãng sanh, có nắm chắc vãng sanh hay không chẳng cần phải người nào khác, chính mình phải tự biết. Nếu thật sự chí tâm xưng niệm thì cần phải mất bao lâu mới đạt được hiệu nghiệm? Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ước chừng ba năm, người ngồi mát, đứng qua đời rất đông. Trong thời gần đây, người ba năm thành tựu cũng chẳng ít. Lão pháp sư Đàm Hư nói: Cụ Đế Nhân có một vị đồ đệ làm thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Chúng ta niệm mấy chục năm, một chút tin tức cũng không có, đại khái đều là do dùng cái tâm tán loạn để niệm Phật.

Nếu có người nói: “Niệm Phật ba năm sẽ chết thì pháp môn này chẳng thể học được!” Đủ thấy người ấy vẫn còn có rất nhiều tham ái đối với thế giới Sa Bà. Tín nguyện đã không thật, hạnh cũng chẳng khẩn thiết, chỉ đành mặc kệ họ. Nếu thật sự muốn được vãng sanh thì phải buông xuống vạn duyên, suốt ngày từ sáng đến tối nắm chắc một câu Phật hiệu, những chuyện khác hãy tùy duyên tùy phận là xong. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay chúng ta đều niệm Phật, nhưng từ đầu đến cuối chẳng thể thành tựu, chính mình chẳng tìm ra nguyên nhân. Đại sư nói: “*Dĩ du du tán thiện, nan địch vô thí tích tội cố*” (Bởi lẽ, điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thí). “*Tội lỗi tích tập từ vô thí*” chính là tham, sân, si, mạn, tập khí, vọng tưởng, chấp trước. Nếu nhất tâm niệm Phật thì tập khí ấy chẳng thể hiện hành, tâm vô nhị dụng, khuất phục phiền não, công phu thành phiền. Từ khuất phục phiền não cho đến đoạn phiền não thì gọi là Sự nhất tâm, có chín phẩm, khuất phục là Hạ Hạ Phẩm, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Đoạn được phiền não thì là Thượng Thượng Phẩm, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu chẳng thể khuất phục phiền não, ý niệm tham, sân, si vẫn thường khởi lên thì phải đau đầu sấm hối, tự thẹn trách sâu xa. Được vãng sanh hay không là do chính mình quyết định.

Tội nghiệp đã tích tụ từ vô lượng kiếp đến nay nếu có thể tướng thì tận hư không khắp pháp giới đều chẳng thể chứa đựng được. Nếu có người niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, ngày đêm không ngừng, niệm liên tiếp cả trăm

năm chẳng gián đoạn, mỗi một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử thì tội đã diệt giống như đất bám trên móng tay, tội chưa diệt như đất trên đại địa. Lời này là thật, trọn chẳng phải khoa trương! Nếu sanh về Tây Phương thì vấn đề này liền được giải quyết, chẳng thể sanh về Tây Phương sẽ phiền phức rất lớn, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Nghiệp nào mạnh sẽ lồi đi trước, thác sanh vào đường nào là do chính mình nghĩ tưởng đến đường đó. Người có ý niệm Ngũ Giới mạnh mẽ, tuân thủ nhân luân đạo đức, sẽ bảo đảm giữ được thân người. Ý niệm Thập Thiện, từ, bi, hỷ, xả mạnh mẽ thì đời sau sanh vào cõi trời, nhưng loại người như vậy đã ít lại càng ít hơn, còn kẻ tạo tham, sân, si, mạn thì nhiều, tương lai đọa lạc trong tam đồ. Thời gian trong tam đồ quá dài, thật đáng sợ! Kinh Lăng Nghiêm và kinh Địa Tạng giảng tình hình trong địa ngục rất tường tận. Địa ngục như bể ngậm, trong thế gian có rất nhiều, hễ chẳng cẩn thận sẽ rớt xuống đó.

Trong nhiều đời nhiều kiếp đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, như bị ba quân tầng tầng lớp lớp bao vây, chỉ có một phương pháp là đột phá vòng vây, nhờ vào công phu niệm Phật, đối nghiệp vãng sanh là có thể xông ra khỏi vòng vây. Quan trọng nhất là nhất tâm, “bất loạn” là chẳng bị hết thảy hoàn cảnh nhiễu loạn, tám gió chẳng thể thổi động được. Đã bất loạn đối với pháp thế gian mà đối với Phật pháp vẫn chưa buông xuống được, vừa tham Thiên vừa học Mật thì tương lai vẫn luân hồi trong sáu nẻo, lại còn chẳng đạt được ba đường lành.

“*Xung danh*” là hạt giống kim cang thành Phật. Khi Phật tại thế, có một cụ già xin xuất gia, các vị A La Hán đệ tử Phật đều có thần thông, có thể thấy được năm trăm đời, quán thấy cụ già ấy trong cả năm trăm đời chẳng có thiện căn nên chẳng chấp thuận lời cụ cầu thỉnh, cụ già khóc lóc không chịu ra đi. Cuối cùng, đức Phật gọi cụ già ấy lại, bảo các đệ tử: “Cụ già này trong vô lượng kiếp trước, từng làm tiều phu, ở trên non bị hổ đuổi, cọt dòn đến nỗi phải trèo lên cây, trong lúc kinh hãi, gào to một tiếng “*nam-mô Phật*”. Do nhân duyên ấy, đời này gặp Phật đắc độ. Huệ nhãn của hàng Thanh Văn Nhị Thừa chẳng thấy được [điều này]. Trong kinh Pháp Hoa đã nêu lên một câu chuyện, há chẳng đáng tin ư? Từ xưa đến nay, thời đại lâu xa, người thưở ấy tuy vô tâm niệm một tiếng Phật hiệu, đến nay gặp duyên thành tựu. Chúng ta tùy duyên tùy phận, dùng câu Phật hiệu này để kết duyên niệm Phật cùng chúng sanh.

***(Giải) Phục nguyện truy tổ trí ngu, u thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đôn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ủy, vật thị vi dị, nhi mạn bất sách cần, vật thị vi thiểu, nhi vọng trí miểu khinh, vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa nhậm. Cái sở trì chi danh hiệu, chân thật bất khả tư nghị; năng trì chi tâm tánh, diệc chân thật bất khả tư nghị, trì nhất thanh, tức nhất thanh bất khả tư nghị. Trì thập, bách, thiên, vạn, vô lượng, vô số thanh, thanh thanh giai bất khả tư nghị dã.***

**(解) 伏願緇素智愚。於此簡易直捷。無上圓頓法門。勿視為難。而輒生退諉。勿視為易。而漫不策勤。勿視為淺。而妄致藐**

輕。勿視為深。而弗敢承任。蓋所持之名號。真實不可思議。能持之心性。亦真實不可思議。持一聲。則一聲不可思議。持十百千萬無量無數聲。聲聲皆不可思議也。

(*Giải: Kính xin kẻ áo thâm, người áo trắng, kẻ trí, người ngu, đối với pháp môn đơn giản, dễ dàng, thẳng chông, vô thượng viên đốn này, đừng nghĩ là khó rồi liền sanh lòng thoái thác, đừng thấy là dễ dàng rồi chần chừ chẳng siêng gắng, đừng ngỡ là nông cạn để rồi đến nỗi làm lạc coi thường, đừng nghĩ pháp này quá sâu đến nỗi chẳng dám đảm đương. Bởi lẽ, danh hiệu được trì chân thật chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì niệm danh hiệu ấy cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn).*)

Ở đây, đại sư buốt lòng rát miệng khuyên dạy chúng ta. “Truy” (緇) chỉ người xuất gia mặc áo nhuộm thâm, “tố” (素) chỉ người tại gia. Tại Ấn Độ vào thời cổ, người ngoài đời mặc y phục màu trắng. “Trí” là người có học, hoặc kẻ thông minh có tài trí. “Ngu” là những ngu phu ngu phụ không biết chữ. Pháp môn trì danh niệm Phật này ai cũng có thể niệm được, đơn giản, dễ dàng, chính là pháp môn vô thượng viên đốn; nhưng cũng đừng nên nghĩ pháp này quá dễ dàng, khởi tâm coi thường. Rất nhiều người nghĩ kinh A Di Đà là nông cạn, coi thường, chẳng chịu tu học. Năm 1982, tôi đến Mỹ, có nhiều đồng tu bảo tôi: “Ở nước Mỹ, ngàn vạn phần đừng giảng pháp môn Niệm Phật kéo bị người ta chê cười. Mọi người đều giảng Thiên, giảng Mật”. Do vậy, thoát đầu tôi đến Mỹ thường giảng khẩu đầu Thiên, nhằm hàng phục những kẻ học Thiên, sau đây tôi lại giảng Mật vì tôi theo học dưới tòa của Chương Gia đại sư ba năm, hiểu biết nội dung Mật Tông khá nhiều, bọn họ dùng cách nào cũng không gạt tôi được! Sau đấy, tôi mới đem pháp môn Tịnh Độ giới thiệu cho họ. Bọn họ không tiếp nhận mà cũng chẳng dám nói một câu nào phản đối. Đồng thời, tôi lại mang từ Đài Loan sang bộ băng thâu âm bài giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mọi người chẳng dám chê kinh Di Đà là nông cạn nữa. Cũng chớ nên nghĩ pháp môn này quá sâu. Trên thực tế, pháp môn này là cảnh giới nơi quả địa Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chứ chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể thấu hiểu được. Chín giới bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát ắt phải được Phật gia trì thì mới có thể thấu hiểu được. Nhưng trên mặt Sự, pháp này hết sức dễ dàng, không một pháp môn nào vừa dễ dàng vừa đơn giản bằng niệm Phật. Thực hiện được bốn chữ “tín nguyện trì danh” thì sẽ thành công. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ điều này ra, bất cứ suy tưởng gì cũng đều chẳng có. Đây là tín nguyện trì danh.

Lại nữa, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì danh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tín nguyện trì danh là chân tâm, mà cũng là nhất tâm, công đức của nó chẳng thể nghĩ bàn. Chân tâm là Năng Cảm, còn Phật, Bồ Tát là Sở Cảm. Nói theo mặt Lý, A Di Đà Phật là đức hiệu của Chân Như bản tánh hư không pháp giới. Nói theo mặt Sự thì là danh hiệu bốn nguyện công đức của A

Di Đà Phật. “Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn”. Đối với đoạn văn này, cổ đức nói nó bao gồm ba thứ trọng yếu:

1) Đức Phật được niệm là “cảnh yếu”.

2) Cái tâm niệm Phật là “tâm yếu”.

3) Năng và Sở chẳng hai, tâm và Phật giống hệt như nhau là “pháp môn yếu”.

[Ở đây] “yếu” có nghĩa là “diệu”, huyền diệu tốt bậc chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ tâm, cảnh và pháp môn đều chẳng thể nghĩ bàn. Tác phẩm Yếu Giải của đại sư cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng trách Ấn Quang đại sư đề cao tột bậc sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Nếu học Phật mà nắm được cương lĩnh, y giáo phụng hành, những lợi ích đạt được trước khi vãng sanh hoàn toàn chẳng thể do tu các pháp môn khác mà đạt được. Thân tâm thanh tịnh, cái thấy rõ là mạnh khỏe, sống lâu, hạnh phúc, sung sướng sẽ ngay lập tức đạt được. Người đời mong cầu mãnh liệt mà chẳng được, còn người niệm Phật sẽ có thể cầu được.

*(Kinh) Xá Lợi Phát! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.*

*(Giải) “Ngã kiến” giả, Phật nhãn sở kiến, cứu tận minh liễu dã. “Thị lợi” giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ, trực chí bất thoái vị tận, thị vi “bất khả tư nghị công đức chi lợi” dã.*

*(經) 舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。*

*(解) 我見者。佛眼所見。究盡明了也。是利者。橫出五濁。圓淨四土。直至不退位盡。是為不可思議功德之利也。*

*(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.*

*Giải: “Ngã kiến” là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. “Thị lợi” là [những điều lợi như] vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Đây là “điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức” vậy).*

Đây là lần thứ hai đức Phật khuyên người nghe hãy nên phát nguyện. Câu “ngã kiến thị lợi” này khẩn yếu nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật chính mắt thấy được điều lợi ích thù thắng này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương thế giới, người vãng sanh bất luận là ai, dầu là chúng sanh từ ác đạo [sanh về Cực Lạc] cũng đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Hết thấy các cõi Phật không có điều này, do điều này nên Phật mới khuyến khích chúng ta hãy nên vãng sanh. Trong lời chú giải, đại sư lại nói: “Ngã kiến (ta thấy) là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận”. Trong mười pháp giới, con người thường nghĩ mình rất thông minh, thấy chuyện gì cũng đều thấy rất thấu triệt, nhưng chẳng thể sánh bằng chư thiên; chư thiên thấy rõ ràng hơn chúng ta. Thiên nhãn chẳng bằng huệ nhãn của

A La Hán. Huệ nhãn của A La Hán chẳng bằng pháp nhãn của Bồ Tát. Pháp nhãn của Bồ Tát chẳng bằng Phật nhãn. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, thấy gì cũng đều rớt ráo viên mãn. Đức Phật thấy [do pháp môn Niệm Phật mà chúng sanh] “vượt khỏi đời ngũ trước theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, cho đến chúng đấng trọn vẹn các địa vị Bất Thoái”, đây là điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức.

1) Lục đạo phàm phu muốn thoát ly tam giới hết sức khó khăn. Chúng ta hãy quán sát kỹ càng, bao nhiêu người tu hành trong thế gian có trí huệ và công phu tu hành rất cao, rốt cuộc đều chẳng thoát khỏi tam giới, là vì lẽ nào? Do Kiến Tư phiền não chẳng dễ gì đoạn được! Đức Phật dạy lục đạo luân hồi là do Kiến Tư phiền não mà có, chỉ cần có Kiến Tư là sẽ chẳng ra khỏi luân hồi. Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán đoạn được Kiến Tư, vượt thoát luân hồi. So với Tứ Quả, Tam Quả chưa đoạn sạch phiền não nên không thể vượt thoát lục đạo. Công phu, trí huệ của các vị ấy tốt đẹp, tu hành trong Tứ Thiên Thiên, đoạn được Kiến Tư mới thoát khỏi tam giới. Nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã quy nạp các phiền não thành mười loại lớn, tức năm loại Kiến Hoặc và năm loại Tư Hoặc. Kiến Hoặc là kiến giải sai lầm, thứ nhất là Thân Kiến, coi thân là Ngã, sai rồi, thân là cái ta có. Chẳng hạn như y phục, y phục là thứ ta có, hoàn toàn chẳng phải là ta. Thứ hai là Biên Kiến, chấp trước vào hai bên, nói theo cách bây giờ là “*tương đối luận*”, chúng ta luôn sống trong không gian tương đối, hoàn toàn chẳng phải là chân thật. Nếu nói tới chân thật thì là Nhất Chân pháp giới. Ngoài Nhất Chân pháp giới, mười pháp giới đều là tương đối. Ngoài ra, còn có hai thứ thường được gọi là “*thành kiến*”: Một là đối với quả, chẳng phải là quả mà coi là quả; hai là đối với nhân, chẳng phải là nhân mà tính là nhân. Ở đây, nói riêng biệt từng điều như sau:

Thứ ba là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải quả mà coi là quả. “*Kiến*” (見) là kiến giải chủ quan. “*Thủ*” (取) là chấp trước, chấp trước ý kiến chủ quan không chánh xác của chính mình, như các tôn giáo khác cho rằng sanh lên trời là “vĩnh sanh” (sự sống đời đời). Trên thực tế, tuy chư thiên thọ mạng rất dài, vẫn có lúc kết thúc, hoàn toàn chẳng rớt ráo. Đó chính là thành kiến. Trời vốn là hữu lậu, họ ngộ nhận cõi trời là diệu quả. Đây chính là “*chẳng phải quả mà ngỡ là quả*”.

Thứ tư là Giới Cấm Thủ Kiến, chẳng phải nhân mà coi là nhân. “*Giới*” (戒) là tánh giới<sup>5</sup>, chẳng hạn như giết, trộm, dâm, “*cấm*” (禁) là ngăn cấm, như uống rượu, ăn thịt. Gìn giữ giới cấm vốn là thiện pháp, vì sao lại xếp vào loại “*chẳng phải là chánh kiến*”? Lỗi ở chỗ chấp trước giữ chặt. Có một loại ngoại đạo tu hành giới giang, đấng Thiên Nhân Thông, thấy trâu, chó sanh lên trời bèn tưởng học theo lối sống của trâu và chó sẽ được sanh lên trời, chẳng hề biết trâu, chó sanh lên trời là do nguyên nhân nào. Lâu dần trở thành một thứ tà môn ngoại đạo, đây gọi là “*chẳng phải nhân mà coi là nhân*”.

---

<sup>5</sup> Tánh giới: Những điều cần phải tránh phạm vì bản tánh của những hành vi ấy dẫn đến phiền não, đau khổ, ác quả. Dù thọ giới hay không, hề phạm phải những điều ấy đều dẫn đến quả báo xấu ác.

Thứ năm là Tà Kiến. Phàm là tri kiến bất chánh như chẳng tin luân hồi, chẳng tin vào nhân quả báo ứng, chẳng tin vào Thánh Ngôn Lượng, đều thuộc về đại tà kiến, chướng ngại lợi ích thù thắng của bản thân. Chính mình không tin thì cũng được đi, lại còn khuyên người khác chẳng tin, tạo tội Vô Gian địa ngục. Trong tám nạn có Thế Trí Biện Thông, phần nhiều là phần tử trí thức cao cấp, họ còn có những luận điệu thiên chấp, tà vạy, tương lai dẫn dắt người khác cùng vào địa ngục, thật là đáng thương!

Tư Hoặc cũng gồm năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là chuyên hoài nghi thánh giáo. Năm thứ này cộng với năm thứ Kiến Hoặc vừa nói trên đây, được gọi chung là “Kiến Tư Nhị Hoặc”. Người Tiểu Thừa đoạn được Kiến Tư Nhị Hoặc, Phật nói [điều ấy] giống như “cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm”, hết sức khó khăn! Trong kinh nói đoạn được Kiến Hoặc bèn chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, phải sanh tử trong cõi trời và nhân gian bảy lần thì mới đoạn được Tư Hoặc. Con người tuổi thọ ngắn ngủi, cõi trời tuổi thọ dài, tốn một thời gian dài bao lâu mới đoạn được? Quả thật không có cách nào tính toán được! Trong kinh nói “để thành Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp”, nhưng [thời gian ấy] phải tính từ ngày đoạn được Kiến Hoặc. Hễ đoạn được Kiến Hoặc thì là thánh nhân; tuy chưa ra khỏi tam giới, nhưng chẳng đọa trong tam đồ. Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, tức là “dự vào hàng thánh nhân”. Phương pháp tu học của Tiểu Thừa chẳng xảo diệu như Đại Thừa, nhất là [so sánh giữa Tiểu Thừa với] Thiên Tông. Thiên Tông tuy hay khéo, nhưng người đạt được sự hay khéo ấy cũng phải là bậc thượng căn lợi trí, chứ không phải những kẻ thông thường mà hồng học được. Do vậy, kém xa Tịnh Tông!

Trong phần trước, tôi nói tới cõi trời, kinh Phật giảng tường tận nhất. Ở đây, tôi bỏ sung đại lược. Chẳng hạn như Tứ Thiên Thiên, Tứ Không Thiên đều ở trong tam giới, tuy thọ mạng rất dài, nhưng vẫn có sanh tử. Có người tưởng hễ sanh lên trời thì sẽ sống đời đời, ngộ khái niệm ấy tương tự như chuyện nhập Niết Bàn trong Phật pháp. Cần biết rằng: Các tầng trời Tứ Thiên, Tứ Không vẫn có sanh diệt, hoàn toàn chẳng phải là rốt ráo. Đức Phật nói có hai mươi tám tầng trời, nhân của mỗi tầng khác nhau, quả cũng khác nhau. Chỉ tu Thập Thiện thượng phẩm sẽ có thể sanh vào trời Tứ Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên. Nếu lại muốn sanh lên trời Dạ Ma mà chỉ tu Thập Thiện thì không được, còn phải có công năng Thiên Định. Dục Giới có tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ. Từ Sơ Thiên trở lên, không những chẳng có Ngũ Dục về mặt Sự, mà ý niệm [tham luyện Ngũ Dục] cũng chẳng có. Nếu vẫn còn có ý niệm, thì công năng Thiên Định ấy đáng gọi là “chưa đắc Định”, chẳng thể sanh lên trời Sơ Thiên, chỉ có thể sanh lên bốn tầng trời phía trên của Dục Giới. Nếu hiểu rõ sự thật này thì Thiên quả thật là khó tu. Nếu vẫn còn ý niệm Ngũ Dục thì còn chưa sanh lên được [các cõi trời] thuộc Sắc Giới, há có phần sanh vào Tứ Thiên, Tứ Không ư? Tứ Thiên Bát Định là Thiên Định thế gian, Định của hàng phàm phu mà còn chưa đạt được, làm sao đắc công năng Thiên Định của Thanh Văn, Bồ Tát? Nhà Phật nói bậc thượng căn lợi trí có thể đoạn phiền não mới có đủ tư cách học Thiên; chứ kẻ không thể khuất phục phiền não thì học Thiên sẽ là chuyện nói xuông! Tịnh Tông đời nghiệp vãng sanh,

không cần đoạn phiền não, chỉ cần tạm thời khuất phục phiền não bèn có thể vãng sanh. Phật nhãn đích thân thấy được điều này, do vậy nói: “*Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn*” (Ta thấy được điều lợi ấy nên nói lời này). Hết thấy chư Phật độ chúng sanh liễu sanh tử, thoát tam giới, trong một đời viên mãn vô thượng Bồ Đề, chỉ có pháp môn Niệm Phật này. Nếu chẳng chịu tiếp nhận thì dù tinh tấn nơi Phật pháp, chẳng biết đến đời nào mới có thể đắc độ! Đời này có duyên gặp gỡ Phật pháp, chính là thiện căn, phước đức sâu dày từ vô lượng kiếp [cảm nên]; nếu bỏ lỡ đời này, chắc là vô lượng kiếp sau mới lại gặp gỡ pháp môn này. Sanh tử luân hồi khổ lắm, sao lại đành chịu tội oan uổng như vậy?

2) Thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ: Lợi ích này quá thù thắng, hàng Bồ Tát thông thường và Biệt Giáo đều chẳng có được điều lợi ích này. Quả vị Phật trong Biệt Giáo vẫn chưa thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ. Thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ là cảnh giới của bậc Bồ Tát từ Bát Địa [trong Viên Giáo] trở lên. Hàng Sơ Địa trong Biệt giáo bằng với Sơ Trụ trong Viên Giáo, quả vị Phật trong Biệt Giáo bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, so với Bát Địa Bồ Tát của Viên Giáo thua xa lắm. Người niệm Phật đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đây đúng là pháp khó tin. Quả báo thù thắng như thế là do bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

3) “*Trực chí bất thoái vị tận*” (Đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn): “*Tận*” có nghĩa là viên mãn. Ba thứ Bất Thoái đạt đến viên mãn sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về Tây Phương liền đạt được những lợi ích này ngay trong một đời. Do vậy, tôi thường khuyên các đồng tu tụng niệm công khóa sáng tối thì buổi sáng tụng bốn mươi tám nguyện để biết rõ nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, kiến lập tín tâm đối với Tịnh Tông. nguyện lực cũng sẽ nhờ đó mà tăng thêm. Bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp của Tây Phương thế giới, chỉ cần sanh về Tây Phương thì đều hưởng sự thụ dụng giống hệt như A Di Đà Phật. Chúng ta sanh về Tây Phương sẽ hưởng thụ [oai thần, phước đức, thiện căn của] A Di Đà Phật.

***(Giải) Phục thứ, thị lợi ước mạng chung thời, tâm bất điên đảo nhi ngôn, cái uế độ tự lực tu hành sanh tử quan đầu, tối nan đắc lực.***

**(解) 復次是利。約命終時。心不顛倒而言。蓋穢土自力修行。生死關頭。最難得力。**

***(Giải: Lại nữa, điều lợi này luận theo lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo; bởi lẽ, trong uế độ, đối với cửa ải lâm chung thì tự lực tu hành sẽ khó đủ sức để vượt qua nhất).***

Lời giải thích trong đoạn trước đã nêu rõ lợi ích do vãng sanh Tây Phương thế giới, nêu lên điều lợi ích chung do sanh về Tây Phương của hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới. Còn những điều được nói trong đoạn này chỉ hạn cuộc trong chúng sanh trên địa cầu, đặc biệt là loài người. Thông thường, ai

này đều mong cuộc sống tốt đẹp, mong sanh trong gia đình giàu có, cả đời hưởng phước, nhưng nơi cửa ải lâm chung, phải theo nghiệp mà thọ báo, chính mình chẳng thể làm chủ được. Người niệm Phật khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, đầu óc tỉnh táo, Phật đến tiếp dẫn thì chính là người có phước đức lớn. Do vậy, tổ sư, đại đức dạy chúng ta trì giới niệm Phật, phước huệ song tu. Lão pháp sư Viên Anh tuổi già trụ tại Viên Minh Tinh xá ở Thượng Hải, từ năm hai mươi lăm tuổi, Ngài dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, từng sáng lập một học viện chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, giảng đường của Ngài mang tên là Tam Cầu Đường, tức là “cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ”. Ngài giáo hóa tuân theo kinh Lăng Nghiêm, nhưng hạnh thì hành theo kinh Di Đà. Chúng ta niệm Phật cũng là phước huệ song tu. Tín nguyện trì danh thì phước lẫn huệ đều nằm trong đó.

***(Giải) Vô luận ngoan tu cuồng huệ, ma la vô công, tức ngộ môn thâm viễn, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ.***

**(解) 無論頑修狂慧。麼羅無功。即悟門深遠。操履潛確之人。儻分毫習氣未除。未免隨強偏墜。**

*(Giải: Những kẻ tu hành vọng bướng, trí huệ ngông cuồng, buồn tủi không có kết quả thì đừng nói làm gì! Ngay cả những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tơ tóc tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thần thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc).*

“Ngowan tu” là những người thông minh trong thế gian tu trì chẳng đúng pháp, tự cậy thông minh, tu mù, luyện đui. “Cuồng huệ” là những người thiên tư thông minh, đối với kinh điển Đại Thừa cũng có thể thông hiểu, có thể nói những điều tốt lành, nói đến mức hoa trời rơi tán loạn, chỉ có điều hành trì thiếu sót, rớt vào hạng có tâm tư thái độ ngông cuồng. Hai loại người này đối trước cửa ải sanh tử hoàn toàn vô dụng, chẳng thể liễu sanh thoát tử. Nói “ma la vô công” nghĩa là thiếu công phu, chẳng có thành tựu.

“Ngộ môn thâm viễn, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ” (Những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tơ tóc tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thần thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc), tình huống này đã có tiền lệ trong lịch sử. Như thiền sư Thảo Đường Thanh có giải, có hạnh, là bậc đại đức lỗi lạc một thời trong nhà Thiền. Trong các tín đồ, có một bà họ Tăng, thường đến cúng dường thiền sư. Sư Thảo Đường rất cảm kích, thường mang tâm niệm báo ân. Mất rồi liền thác sanh làm con trai bà Tăng, có trí, có phước, tuổi thiếu niên mà đã thỏa chí, làm đến Tể Tướng, tức là Tăng Lỗ Công. “Thao lý tiềm xác chi nhân” nghĩa là người trì giới tinh nghiêm. Mọi người đều biết câu chuyện “hòn đá tam sanh”.



Hòn đá tam sanh là câu chuyện được truyền tụng về cuộc đời của thiền sư Viên Trạch và cư sĩ Lý Nguyên. Lý Nguyên từ quan, sống trong chùa của ngài Viên Trạch. Có một hôm, hai người bàn bạc, tính sang núi Nga Mi triều bái; Lý Nguyên chủ trương đi theo đường thủy, Viên Trạch tính đi theo đường bộ. Cuối cùng, theo ý Lý Nguyên đi đường thủy. Đi đến một tiểu trấn, gặp một phụ nữ có thai giật áo bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy liền rơi nước mắt không ngừng. Lý cư sĩ hỏi nguyên do, Sư nói: “*Ta sợ dĩ chẳng muốn đi theo đường thủy là sợ gặp bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, đợi ta đâu thai. Hôm nay chẳng thể trốn được nữa, ba ngày nữa xin ông hãy đến nhà bà ta, ta thấy ông sẽ cười để làm tin. Mười lăm năm sau, vào ngày Trung Thu tháng Tám sẽ lại gặp nhau tại chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu*”. Về sau, mỗi mỗi đều ứng nghiệm. Sư Viên Trạch có thần thông, có thể biết được quá khứ, vị lai, mà vẫn chưa thoát khỏi luân hồi đầu thai, chỉ vì tập khí chưa trừ! Trong thế gian, những người làm quan lớn, phát tài lớn đều là những bậc đại tu hành trong quá khứ, tập khí chưa trừ, chẳng chịu vãng sanh Tây Phương, nhọc nhằn tu luyện nhiều năm để đạt vinh hoa, phú quý trong một đời, trở thành tam thế oán, thật chẳng đáng chút nào, đáng than thay!

**(Giải) Vĩnh Minh tổ sư, sở vị “thập nhân cứu tha lộ. Âm cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ”. Thử thành khả hàn tâm giả dã.**

**(解) 永明祖師。所謂十人九蹉路。陰境若現前。瞥爾隨他去。此誠可寒心者也。**

**(Giải: Tổ sư Vĩnh Minh nói: “Mười người, chín chân chừ. Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. [Nghĩ đến] điều này đúng là lạnh buốt cõi lòng vậy).**

Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người sống dưới triều đại của Ngô Việt Vương Tiền Thục cuối thời kỳ Ngũ Đại. Ngài nói pháp Thiền quốc sư tông Thiên Thai, mất vào năm Khai Bảo thứ tám (975) đời Tống Thái Tổ, thọ bảy mươi hai tuổi. Theo lịch sử ghi chép, khi chưa xuất gia, Ngài làm một chức quan nhỏ, trông coi việc chi thu thuế khóa, thường giao nhận tiền bạc. Ngài lấy tiền từ của công để phóng sanh, bị thượng cấp phát giác, tâu lên Văn Mục Vương (Tiền Nguyên Quyền)<sup>6</sup>, vua phán tội tử hình. Vua dặn riêng người hành hình: “Nếu lúc hành hình mà hấn không có lòng sợ hãi thì hãy dẫn đến gặp ta”. Trong lúc bị giải ra pháp trường, mặt Sư không đổi sắc, cật vấn, Sư nói: “*Tôi dùng một mạng để đổi lấy hàng ngàn hàng vạn cái mạng, đáng lắm chứ!*” Sau đấy, [giám trăm quan] dẫn Sư về gặp Văn Mục Vương. Vua hỏi Sư: “Sau này ông muốn làm chuyện gì?”

---

<sup>6</sup> Tiền Nguyên Quyền (887-941) là vua thứ hai của xứ Ngô Việt, miếu hiệu Văn Mục Vương, Tiền Thục (Tiền Hoàng Thục, 929-988) là con thứ chín của Tiền Nguyên Quyền, miếu hiệu là Trung Ý Vương. Do Tổ Vĩnh Minh sanh năm 904, mất năm 975, nên nói Ngài là người sống dưới thời Văn Mục Vương cũng được mà bảo là Ngài sống dưới thời Tiền Thục cũng không sai; nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là cụ Lưu Thừa Phù đã vô ý ghi sai vì khi tổ Vĩnh Minh nhập diệt vào năm 975, Tiền Nguyên Quyền (Văn Mục Vương) đã mất từ năm 941. Chuyện cúng trai tăng này chỉ có thể xảy ra vào thời Tiền Thục (Trung Ý Vương).

Sư nói muốn xuất gia. Vua liền giúp Sư thỏa nguyện và còn làm hộ pháp cho Sư. Có một hôm, vua cúng Trai Tăng một ngàn vị sư, bình đẳng cúng Tăng. Trong Trai Đường có bày ghế chủ tọa, mọi người đều khiêm nhượng [không ai ngồi], chợt có một vị xuất gia quần áo xóc xếch ngồi ngưỡn ngưỡn trên ghế chủ tọa. Trai tăng xong, mọi người đã giải tán, vua hỏi đại sư Vĩnh Minh: “Buổi trai tăng hôm nay có thánh hiền giáng lâm hay không?” Sư đáp: “Có, Định Quang cô Phật đến thọ cúng”. Hỏi: “Vị nào vậy?” Sư nói: “Vị Hòa Thượng ngồi ghế chủ tọa”. Vua vừa nghe nói liền sai người đi kiểm, tìm được vị ấy trong một hang núi. Thị giả thỉnh vị ấy về cung, tiếp nhận sự cúng dường. Hòa Thượng chỉ nói một câu: “Di Đà lắm lời” rồi nhập diệt. Thị giả trở về tâu lên Hoàng Đế: “Hòa Thượng đã viên tịch, lâm chung chỉ nói một câu Di Đà lắm lời”. Hoàng Đế nghĩ Vĩnh Minh đại sư nhất định là hóa thân của Phật Di Đà, [hóa thân của] Định Quang Phật tuy viên tịch, nhưng [hóa thân của Phật] Di Đà vẫn còn, phái người thỉnh ngài Vĩnh Minh nhập cung. Nào ngờ lúc ấy có người đến báo: “Vĩnh Minh đại sư đã viên tịch”. Chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong thế gian này, chẳng thể bộc lộ thân phận. Hễ thân phận bị lộ bèn ra đi. Nếu bị lộ thân phận mà vẫn chẳng nhập diệt thì chính là mạo nhận. Ngài Vĩnh Minh do Thiên Tông mà đại triệt đại ngộ, đến tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Ngài có nói ra bốn bài Liễu Giải rất nổi tiếng. Bài thứ hai là: “*Hữu Thiên, vô Tịnh Độ. Thập nhân cứu tha lộ, ám cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ*” (Có Thiên, không Tịnh Độ. Mười người chín chân chừ, nếu ám cảnh hiện tiền, chớp mắt đi theo nó). Đây là vì thưở ấy Thiên Tông rất thịnh hành, mọi người coi rẻ Tịnh Độ; nhằm độ những người học Thiên, nên Ngài mới nói: “*Có Thiên không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ*” nhằm dẫn dắt bọn họ trở về Tịnh Độ. [Ngài nói] Thiên Tịnh Song Tu chính là một cách nói phương tiện quyền xảo bất đắc dĩ dành cho những người tham Thiên. Có những người tu Thiên rất khá, nhằm khỏi tổn thương lòng tự tôn của họ, nên Ngài mới nói Thiên cũng rất hay, nếu thêm vào một chút Tịnh Độ thì càng hay hơn. Nói thật ra, tu Tịnh Độ có thể vãng sanh, chứ tu Thiên rất khó thành tựu.

Trong câu “*hữu Thiên, hữu Tịnh Độ*” hãy chú ý chữ Hữu. “*Hữu Thiên*” là đại triệt đại ngộ, “*hữu Tịnh Độ*” là trong một niệm trọn đủ tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu. Có Thiên, không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ<sup>7</sup>. Thiên sư Viên Trạch như đã nói trong phần trước chính là hạng người “có Thiên”, có thể biết quá khứ, vị lai, nhưng vẫn phải đầu thai luân hồi, từ xưa đến nay, những người giống như Viên Trạch chẳng ít.

“*Ám cảnh nhược hiện tiền*”: Chữ “*Ám cảnh*” có hai nghĩa, một là trong Định có ma xuất hiện, tức Ngũ Ấm Ma xuất hiện. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi loại Ấm Ma. Hiện thời có kẻ bảo tôi: “Có người khi tịnh tọa, tay rung động không

<sup>7</sup> Chữ “*tha lộ*” thường bị hiểu là “*lạc đường*”, hay lầm lói, nhưng trong Ấn Quang Văn Sao (Tăng Quảng, Tục Biên, Tam Biên), tổ Ấn Quang nhiều lần giảng chữ “*tha*” ở đây là “*tha đà*” (thần chừ, lẩn chần). Do chỉ tu Thiên, không tu Tịnh Độ nên không thể thoát khỏi tam giới luân hồi, giống như người quanh quẩn mãi trên đường, không về được nhà, chứ không phải là “*lạc lói*”. Vì nếu lạc lói thì có khác nào chê trách pháp Thiên là sai bét.

cách nào không chế được”. Bọn họ cho đó là cảnh giới tốt đẹp, đây chính là vòi ma đến. Định là tịnh, chẳng phải tay múa, chân nhảy. Nghĩa thứ hai [của chữ Âm Cảnh] là thân Trung Âm. Con người chết đi, thần thức rời khỏi thân thể, còn chưa đầu thai, trong thời gian ấy gọi là Trung Âm Thân. Trung Âm Thân đại đa số tồn tại trong vòng bốn mươi chín ngày. Trong thời gian ấy, gia đình, quyền thuộc tụng kinh, niệm Phật để hồi hướng thì người ấy sẽ được lợi ích; nhưng người ấy sẽ sanh vào chỗ nào vẫn là lưu chuyển theo nghiệp, chính mình chẳng thể làm chủ được. “*Có Thiên, không Tịnh Độ*”, không có Phật lực gia trì, hoàn toàn dựa vào Định lực của chính mình thì lỡ một mai Định lực mất đi, sẽ bị nghiệp lực không chế. Nghiệp nào mạnh sẽ lôi đi trước, suốt đời tu hành nếu tốt đẹp thì sẽ đổi lấy phú quý trong đời sau; còn nếu tu hành không ra gì, sẽ phải lưu chuyển trong tam đồ. Quán sát cận kề [sẽ thấy] không vãng sanh Tây Phương phiến phúc rất lớn!

***(Giải) Sơ Quả muội ư xuất thai, Bồ Tát hôn ư cách âm. Giả lý khởi dụng cường tác chủ tế, kiêu hãnh, man han? Duy hữu tín nguyện trì danh, trượng tha lực cố, Phật từ bi nguyện, định bất đường quyền. Di Đà thánh chúng, hiện tiền ủy đạo, cố đắc vô đảo, tự tại vãng sanh. Phật kiến chúng sanh lâm chung đảo loạn chi khổ, đặc vị bảo nhậm thử sự, sở dĩ, ân cần tái khuyến phát nguyện, dĩ nguyện năng đạo hạnh cố dã.***

(解) 初果昧於出胎。菩薩昏於隔陰。者裏豈容強作主宰。僥倖顛預。唯有信願持名。仗他力故。佛慈悲願。定不唐捐。彌陀聖眾。現前慰導。故得無倒。自在往生。佛見眾生。臨終倒亂之苦。特為保任此事。所以殷勤再勸發願。以願能導行故也。

***(Giải: Sơ Quả mê muội khi ra khỏi thai, Bồ Tát hôn trước lúc chuyển từ thân Ngũ Âm này sang thân Ngũ Âm khác, trong khi ấy, há nó có dụng cho mình gắng gượng làm chủ tế mà còn lơ mơ mong được may mắn hay sao? Chỉ có tín nguyện trì danh là do cậy vào tha lực và thế nguyện từ bi của Phật, nhất định chẳng luống uổng. Phật Di Đà và thánh chúng hiện đến trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh. Phật thấy chúng sanh chịu khổ vì điên đảo tán loạn khi lâm chung, nhằm đặc biệt đảm bảo cho chúng sanh chuyển [vãng sanh] này, nên mới một lần nữa ân cần khuyên nhủ hãy phát nguyện, bởi lẽ, nguyện có thể dẫn đường cho hạnh vậy).***

“*Sơ Quả*” là Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, dự vào dòng thánh. Tuy còn có tám mươi một phẩm Tư Hoặc chưa đoạn, vẫn tu hành trong tam giới, nhưng quyết định chẳng đọa vào tam ác đạo. Sống chết bảy lần trong cõi trời, cõi người liền thoát khỏi tam giới. Nếu lần thứ bảy sanh vào nhân gian, gặp Phật, nhất định chứng quả A La Hán. Nếu không có Phật xuất hiện trong cõi đời, vị ấy cũng vượt thoát tam giới, gọi là Độc Giác, tức Bích Chi Phật. *Sơ Quả* đầu thai trong nhân gian, khi nhập thai thì hiểu biết rõ ràng, nhưng lúc đẻ ra sẽ quên hết. Trí huệ lẫn công phu đoạn phiền

não của Bồ Tát đều vượt trời Tiểu Thừa, chỉ có điều là vẫn mê khi cách âm (từ thân Ngũ Âm này chuyển sang thân Ngũ Âm khác). Trong quá trình luân hồi trong sanh tử, Bồ Tát và thánh nhân Sơ Quả còn chẳng thể làm chủ được, huống gì là phàm phu? Lẽ đâu lại ôm lòng cầu may, mà phải dựa vào bốn nguyện, oai thần của Phật gia trì.

“*Phật từ bi nguyện*” chính là bốn mươi tám nguyện, nguyện nguyện đều được thực hiện rành rành. Người niệm Phật khi lâm chung, trọn chẳng giống với những kẻ phàm phu tay chân cuống quýt. Phật Di Đà và thánh chúng hiện ra trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên người ấy không điên đảo, tự tại vãng sanh. Chúng sanh khi lâm chung thường bị khổ vì điên đảo, lầm loạn, nên phải thuận theo nghiệp lực, đọa trong đường ác, khổ chẳng thể nói được. Nếu khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, người ấy tuy không học Phật, chưa cầu vãng sanh thì cũng chẳng đọa tam đồ. Đức Phật thấy tình huống ấy đặc biệt rõ rệt, vì chúng ta nói ra pháp môn tín nguyện trì danh vãng sanh Tịnh Độ. Trong kinh này đã khuyên lần thứ nhất, rồi lại khuyên lần thứ hai, rồi khuyên lần thứ ba, đặc biệt nhắc nhở, chỉ dạy, một lần nữa ân cần khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện, nhằm đảm bảo chúng ta vãng sanh, bởi lẽ, Nguyện có thể hướng dẫn Hạnh. Có nguyện vọng mạnh mẽ thì mới có thể cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật.

**(Giải) Văn: Phật ký “tâm tác, tâm thị”, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng? Hà dã?**

**Đáp: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức tự. Nhược hựu ngôn tha Phật, tác thị Tha Kiến vị vong. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo.**

(解) 問。佛既心作心是。何不竟言自佛。而必以他佛為勝。何也。

答。此之法門。全在了他即自。若諱言他佛。則是他見未忘。若偏重自佛。卻成我見顛倒。

**(Giải: Hỏi: Phật đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, thì sao chẳng hoàn toàn nói về tự Phật (vị Phật của chính mình) mà cứ đề cao tha Phật (vị Phật khác) là thù thắng? Vì có sao thế?**

**Đáp: Pháp môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói tới vị Phật nào khác tức là chưa quên Tha Kiến (cái thấy có người khác ngoài ta ra). Nếu thiên trọng tự Phật, sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo).**

Trong kinh Phật thường nói: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Vậy thì tâm của chính mình đã là Phật, có sao chẳng nói tới tự tánh Phật (vị Phật ở trong tự tánh) mà lại nói A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới? Đại sư trả lời: Pháp môn này hoàn toàn nhằm hiểu rõ Tha chính là Tự. Tha và Tự là một, không hai. Nói là một, tức là nói theo Thể. Nói theo Tánh thì là một. Nói theo Tướng thì là hai. “*Nếu kiêng không nói đức*

*Phật khác thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên trọng Tự Phật sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo*". Chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, ắt phải phá trừ nghi vấn. Nếu không, sẽ có chướng ngại. Dầu tu trì siêng năng cũng chỉ có thể sanh về biên địa nghi thành. Hãy nên biết: Pháp môn này giống như Hoa Nghiêm, lại còn vượt trội Hoa Nghiêm, vì [trong kinh Hoa Nghiêm đến phẩm] cuối cùng, mười đại nguyên vương dẫn về Cực Lạc. Hoa Nghiêm là đại pháp viên đốn, kinh này là kinh viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Chỉ có nhất tâm thì mới có thể khê nhập. Nếu có hai tâm, sẽ sanh chướng ngại. Nếu có nghi vấn, sẽ biến thành hai tâm, có Tự, có Tha, Tự và Tha là hai, [không còn là một nữa].

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói rất khéo. Ngài mới gặp sư Ấn Tông, Ấn Tông hỏi Ngài: "Nghe nói ông đặc pháp ở núi Hoàng Mai, bình thường Ngũ Tổ thuyết pháp có nói phương pháp tham Thiền hay không?" Lục Tổ đáp: "*Phật pháp chân chánh là một*". Phật pháp là pháp môn Bất Nhị; do vậy, hai bên Tự và Tha đều quên sạch, dùng một câu A Di Đà Phật để gom vọng niệm về một mối. Những tri kiến, phân biệt, chấp trước khác đều chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Có như thế mới hòng vào được Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó cũng là Nhất Chân pháp giới, hoàn toàn hiểu rõ "Tha chính là Tự". Nếu nói là Tha Phật (đức Phật khác, chẳng phải là đức Phật trong tự tâm) thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên chấp coi trọng Tự Phật thì là Ngã Kiến điên đảo. Kinh Kim Cang dạy: "*Nhược nhược tiểu pháp giả, trước Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến, tác u thử kinh, bất năng thính, thọ, đọc, tụng, vị nhân giải thuyết*" (Nếu là kẻ thích pháp nhỏ, chấp trước vào Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến sẽ chẳng thể nghe, nhận, đọc, tụng, vì người khác giải nói kinh này). Nửa phần đầu kinh Kim Cang nói về Tứ Tướng, nửa phần sau giảng về Tứ Kiến. So với phần giảng về Tướng thì phần giảng về Kiến càng sâu đậm hơn. Nếu chẳng thể hiểu rõ "*Tha chính là Tự*", chắc là sẽ khó khê nhập Nhất Chân pháp giới.

***(Giải) Hựu Tất Đàn tứ ích, hậu tam ích, sự bất cô khởi. Thăng bất tòng thế giới thâm phát khánh tín, tức Hân Yếm nhị ích thượng bất năng sanh. Hà hướng ngộ nhập lý Phật! Duy tức Sự Trì đạt Lý Trì. Sở dĩ Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức thị bốn tánh minh hiển. Vãng sanh bỉ độ, kiến Phật, văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ. Pháp môn thâm diệu, phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến. Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đả phá hà đả khứ. Kỳ dư thế trí biện thông, thông Nho, Thiên khách, tận tư độ lượng, dữ thôi dữ viễn. Hựu bất nhược ngu phụ phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã. Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, phân minh dĩ Phật nhãn, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai? Nhị Chánh Tông Phân cảnh.***

(解) 又悉檀四益。後三益。事不孤起。儻不從世界深發慶信。則欣厭二益尚不能生。何況悟入理佛。唯即事持達理持。所以彌陀聖眾現前。即是本性明顯。往生彼土。見佛聞法。即是成就慧

身。不由他悟。法門深妙。破盡一切戲論。斬盡一切意見。唯馬鳴。龍樹。智者。永明之流。徹底擔荷得去。其餘世智辯聰。通儒禪客。盡思度量。愈推愈遠。又不若愚夫婦老實念佛者。為能潛通佛智。暗合道妙也。我見是利。故說此言。分明以佛眼佛音。印定此事。豈敢違抗。不善順入也哉。二正宗分竟。

*(Giải: Lại nữa, trong bốn món lợi ích Tát Đàn, ba thứ lợi ích sau chẳng thể tự nó khởi lên được. Nếu chẳng từ [môn Tát Đàn thứ nhất là] Thế Giới [Tát Đàn] phát khởi sâu xa lòng vui mừng, tin tưởng thì hai thứ lợi ích là ưa thích cõi Cực Lạc và chán nhàm cõi Sa Bà sẽ chẳng thể sanh được, huống gì là ngộ nhập lý Phật? Chỉ do Sự Trì mà đạt đến Lý Trì, cho nên Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền chính là do bốn tánh đã hiện rõ ra. Sanh về cõi kia, thấy Phật, nghe pháp chính là thành tựu huệ thân (cái thân kết tinh bằng trí huệ), chứ chẳng phải do cái gì khác mà ngộ [được huệ thân ấy]. Pháp môn sâu màu, phá sạch hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến. Chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác pháp này được. Còn những kẻ Thế Trí Biện Thông khác, những kẻ thông hiểu cả Nho lẫn Thiền, tận hết sức suy lường, càng suy nghĩ càng xa cách hơn, hóa ra chẳng bằng những ông những bà ngu muội, thật thà niệm Phật, mà có thể ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo màu. “Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này”, dùng Phật nhãn, Phật âm để nói ấn định rành rành chuyện này, há dám trái nghịch, chống đối, chẳng khéo thuận vâng theo hòng chứng nhập ư? Phần thứ hai là Chánh Tông Phần [đến đây là] hết)*

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng bốn món Tát Đàn làm chỗ căn cứ hòng định đặt việc giáo hóa. “Tát Đàn” có nghĩa là “thí trọn khắp”. Trong phần trước tôi đã giải thích cặn kẽ. Bốn món lợi ích Tát Đàn này nếu dùng để bàn luận sự niệm Phật vãng sanh trong Tịnh Tông thì chúng chính là tổng cương lãnh tiếp dẫn chúng sanh, Phật pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều chẳng thể lia khỏi nguyên tắc này. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đi theo con đường này sẽ ổn thỏa, thích đáng nhất. Nhất tâm dùng Sự Trì, chẳng hiểu Lý cũng không sao. Có nhiều ông cụ, bà cụ ăn chay, niệm Phật vãng sanh, biết trước lúc mất. Hỏi họ kinh điển Tịnh Độ, họ không hiểu, sanh về Tây Phương họ sẽ hiểu hết. Sự Trì khẩn thiết, tâm định, tín nguyện kiên cố, khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết sẽ dùng Phật quang chiếu đến, nghiệp chướng của người ấy tiêu trừ, khai trí huệ. Từ Sự Trì mà đạt đến Lý Trì. Do vậy, Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền, thấy Phật tức là bốn tánh sáng ngời, trí huệ hiện tiền, một là vì công đức niệm Phật, hai là do được Phật quang gia trì, những pháp môn khác chẳng có điều này. Sanh về Tây Phương, hằng ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, sáu trần trong Tây Phương đều thuyết pháp không ngừng. Thấy Phật, nghe pháp, thành tựu thân trí huệ, thân trí huệ chính là Báo Thân. Cảnh giới này giống như cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Trong thế gian tu những pháp môn thông thường để đạt đến cảnh giới này thì phải mất một A-tăng-kỳ kiếp. Trong A-tăng-kỳ kiếp

thứ hai mới bắt đầu chứng được quả vị Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo. Chúng sanh trong chín pháp giới rất khó dùng trí huệ và năng lực của chính mình để thấu hiểu tột cùng sự lý của Tây Phương thế giới, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Chỗ mầu nhiệm là đời nghiệp vãng sanh, chưa đoạn một phẩm phiền não nào, mà sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, mầu nhiệm ở chỗ này.

“*Phá sạch hết thấy hý luận, chặt đứt hết thấy mọi ý kiến*”. Hai câu này nói về những kẻ tu hành theo đường lối thông thường. Chữ “*hý luận*” chỉ Giáo Hạ, chữ “*ý kiến*” chỉ Tông Môn. Pháp môn này là nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng cần phải phân biệt, suy lường, cho nên phá sạch hết thấy mọi hý luận. “*Hý luận*” là các thứ phê bình của Giáo Hạ đối với Tịnh Tông, bất luận họ nói như thế nào cũng chẳng liên quan gì! “*Chặt đứt hết thấy mọi ý kiến*”: “*Ý kiến*” là phân biệt. Pháp môn mầu nhiệm viên đôn rất sâu vô thượng này chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới hòng triệt để gánh vác được. Các vị Mã Minh và Long Thọ đều là người Ấn Độ, đều cầu sanh Tịnh Độ. Tại Trung Quốc, ngài Long Thọ được xưng là Tổ của tám tông phái Đại Thừa. Trí Giả và Vĩnh Minh là người Trung Quốc. Trí Giả là tổ sư tông Thiên Thai, còn ngài Vĩnh Minh từ Thiên trở về Tịnh, là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Tông. Các Ngài chẳng có ý kiến phân biệt, ngay lập tức gánh vác. Những kẻ học thức thông minh tài trí khác và những Thiên khách thông thạo Nho học tận hết sức suy lường, càng suy lường càng sai lệch. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát nếu chẳng được gia trì bởi oai thần của Phật cũng chẳng hiểu rõ. Kẻ thông minh tài trí đâm ra chẳng bằng ngu phu ngu phụ! Kẻ hạ ngu chẳng phân biệt, chấp trước, thật thà niệm Phật, bỏ sạch ý niệm vọng tưởng, chấp trước của chính mình, đặc Niệm Phật tam-muội. Công phu sâu thì sẽ đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, khai trí huệ, tương ứng với trí huệ nơi quả địa Như Lai, thâm hợp chỗ nhiệm mầu trong đạo. Do vậy, những người thuộc căn tánh bậc trung đâm ra thua kẻ hạ ngu. Đức Phật trông thấy lợi ích thù thắng như vậy, nên đem sự thật muôn vàn chân thật, xác thực này buốt lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta vãng sanh, chúng ta há dám trái nghịch, chống đối? Nếu khéo thuận theo ý nguyện giáo huấn của Phật thì sẽ giống hết như các đại sư Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành, là học trò tốt của đức Phật. Lợi ích Tứ Tất Đản thù thắng viên mãn rốt ráo nhất chúng ta đều đạt được trong hiện tiền. Phần Chánh Tông của kinh này đến đây là hết.

### 4.3. Phần Lưu Thông

*(Giải) Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm, viên siêu nhất thiết pháp môn. Thụ dữ nhất thiết pháp môn hân đồng. Hoàn dữ nhất thiết pháp môn huýnh dị, ký vô vấn tự thuyết, thù kham xướng mộ lưu thông. Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Thử kinh duy Phật cảnh giới, duy Phật Phật khả dữ lưu thông nhĩ.*

(解) 信願持名一法。圓收圓超一切法門。豎與一切法門渾同。橫與一切法門迥異。既無問自說。誰堪倡募流通。唯佛與佛。乃能究盡諸法實相。此經唯佛境界。唯佛佛可與流通耳。

(Giải: Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy pháp môn. Theo chiều dọc, nó giống như những pháp môn khác. Theo chiều ngang, pháp này hoàn toàn khác với hết thảy các pháp môn, đã do đức Phật không ai hỏi mà tự nói thì ai mới có thể đề xướng, lưu thông? Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận Thật Tướng của các pháp. Kinh này chỉ là cảnh giới Phật, chỉ có Phật và Phật mới có thể lưu thông mà thôi).

Đại sư phân chia khoa mục của kinh này khác với cách phân chia của cổ đức. Ngài xếp đoạn “sáu phương Phật” vào phần Lưu Thông, những vị khác đều xếp đoạn này vào phần Chánh Tông. Vì sao Ngài chia như thế, đại sư đã giảng rõ, chúng ta hãy đọc đoạn chú giải này. “Tín nguyện trì danh nhất pháp, viên thâm viên siêu nhất thiết pháp môn” (Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thảy pháp môn). “Viên thâm” (gồm thâm trọn vẹn) tức là luận định kinh này theo chiều dọc, từ cạn đến sâu thì kinh này giống với hết thảy các kinh khác. Hết thảy các pháp môn khác đều có thứ tự từ sâu đến cạn, như ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, lại còn có Sự Trì và Lý Trì. “Viên siêu” là luận định theo chiều ngang, liễu sanh tử, xuất tam giới, chứng đại Bồ Đề, hoàn toàn khác với hết thảy pháp môn. Trong những pháp môn khác phải tiến từ từ theo thứ tự: Đoạn Kiến Tư phiền não, nhập dòng thánh; đoạn Trần Sa phiền não, đạt đến cảnh giới Bồ Tát; đoạn hết thảy Vô Minh, chứng Pháp Thân đại sĩ. Những kinh luận thông thường đều nói như thế; còn kinh này thì không cần đoạn phiền não, chỉ dựa vào tín nguyện trì danh, đối nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, khác hẳn hết thảy các pháp môn khác. Huống chi sanh về Tây Phương Tịnh Độ, tuy có bốn cõi sai biệt, nhưng hễ sanh về một cõi thì hết thảy cõi đều sanh; các pháp môn khác chẳng có chuyện này! Kinh này đã là kinh không ai hỏi mà Phật tự nói thì ai có thể gánh vác sứ mạng đề xướng, truyền thừa, lưu thông? Kinh Di Đà là cảnh giới thuộc quả địa Như Lai, là chân tướng của nhân sinh, vũ trụ, chỉ có chư Phật mới có thể hiểu rõ ràng. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều không có năng lực lưu thông. Đối với trách nhiệm lưu thông, chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác. “Luu” (流) là lưu truyền muôn đời, “thông” (通) là thông đạt vô ngại.

### 4.3.1. Phổ khuyến

#### 4.3.1.1. Khuyến tín lưu thông

(Kinh) **Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi.**



(Giải) *Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý: Nhất, hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc. Nhị, tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm chứng. Tam, dẫn trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện. Tứ, nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt. Ngũ, trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh. Thử giai đạo sư đại nguyện hạnh chi sở thành tựu. Cố viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”.*

(經) 舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。

(解) 不可思議。略有五意。一橫超三界。不俟斷惑。二即西方橫具四土。非由漸證。三但持名號。不假禪觀諸方便。四一七為期。不藉多劫多生多年月。五持一佛名。即為諸佛護念。不異持一切佛名。此皆導師大願行之所成就。故曰阿彌陀佛。不可思議功德之利。

(Chánh kinh: *Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.*

*Giải: “Chẳng thể nghĩ bàn”, nói đại lược gồm năm ý:*

- Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc.
- Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ.
- Ba, chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiên, Quán.
- Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng.
- Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thầy chư Phật.

*Những điều này đều do đại nguyện hạnh của đấng Đạo Sư mà thành tựu. Vì thế nói “A Di Đà Phật lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn”.*

Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, nhắc nhở Ngài hãy đặc biệt chú ý: “Tiếp theo đây, ta sẽ nói những lời quan trọng. Như ngày nay, ta khen ngợi công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật”.

“*Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn*” là gì vậy? Trong đoạn Yếu Giải này, đại sư đã nêu ra tường tận. Nói đại lược thì có năm ý:

1) ***Siêu thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi đoạn Hoặc:*** Hãy nên biết: Tam giới chính là lục đạo. Tam giới chia thành Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Dục Giới có Ngũ Dục là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ” (tài, sắc, danh, thực, thù). Nếu chỉ đoạn trên mặt Sự thì vô ích. Nếu vẫn còn có ý niệm thì vẫn ở trong Dục Giới, chẳng sanh lên Sắc Giới được. [Sanh lên Sắc Giới phải] nhờ vào Thiên Định. Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tổng cộng mười tám tầng trời. Lại tính lên Vô Sắc Giới thì có Tứ Không Định Thiên, rồi lại lên tới Cửu Thứ Đệ Định (tên gọi đầy đủ là Diệt Thọ Tướng Thứ Đệ Định) thì sẽ vượt thoát tam giới, thành A La Hán. Đây là vượt tam giới theo chiều dọc. Pháp

môn này của chúng ta chẳng cần phải đoạn Hoặc, vượt ngang ra khỏi tam giới<sup>8</sup> nên gọi là “hoành siêu tam giới”.

2) **Tây Phương có đủ cả bốn cõi, chẳng do chứng đắc dần dần:** Mười phương hết thấy các cõi Phật đều có bốn cõi, nhưng bốn cõi tách biệt, chẳng liên tiếp nhau. Còn bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương ở cùng một chỗ, hễ sanh về một thì sẽ sanh về hết thấy, chẳng cần phải tiến từ từ. Như trong thế giới Sa Bà, đoạn hết Kiến Tư phiền não liền vượt thoát tam giới. Trong tam giới là Phàm Thánh Đồng Cư độ, vượt thoát tam giới là Phương Tiện Hữu Dư độ. Lại tu hành phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân liền sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ. Đây là “*tiệm tấn*” (tiến từ từ, tiến dần dần). Tuy vãng sanh Tây Phương thế giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng cũng viên tịnh tứ độ.

3) **Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần tới các phương tiện Thiên, Quán:** Phương pháp tu hành chỉ dựa vào một câu Nam Mô A Di Đà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, chẳng cần bất cứ một pháp môn nào khác để phụ trợ. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chính là chứng minh cực hay.

4) **Lấy bảy ngày làm kỳ hạn, chẳng cần đến nhiều đời, nhiều kiếp, nhiều năm tháng:** Tịnh Độ Tông đã Phật thất, chính là căn cứ trên kinh Di Đà. Tín nguyện trì danh, bảy ngày liền đắc Niệm Phật tam-muội, quyết định được vãng sanh. Công phu có sâu hay cạn khác nhau, Trung Quốc có thói quen chia thành ba hạng: Bậc thượng là Lý nhất tâm bất loạn, bậc trung là Sự nhất tâm bất loạn, bậc hạ là công phu thành phiền. Công phu thành phiền cũng chia thành ba bậc. Thành phiền bậc thượng thì sanh tử tự tại. Từ xưa đến nay, những người đã đạt cảnh giới này rất nhiều, người ta làm được, vì sao chúng ta không làm được? Phải tìm cho ra sự chướng ngại khiến cho ta không làm được, trừ diệt nó đi thì công phu sẽ đắc lực.

5) **Trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác trì danh hiệu của hết thấy chư Phật:** Tại Đài Loan có nhiều tự viện trong dịp Tết bèn có pháp hội lay một ngàn Phật hay một vạn vị Phật. Nếu niệm danh hiệu A Di Đà Phật tức là giống như đã niệm danh hiệu của mười phương tất cả hết thấy chư Phật. Đức Phật nói: “*Không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không một vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà*”. Tựa đề của bộ kinh này là Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh (kinh được hết thấy chư Phật hộ niệm), trong phần sau, kinh văn có nói tới. Chúng ta niệm bộ kinh này thì hết thấy chư Phật đều hộ niệm.

Năm điều này đều là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất cặn kẽ, ai đã đọc rồi thì hãy nên thấu hiểu công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Cổ đại đức nói: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. “*Tương ứng*” ở đây không

---

<sup>8</sup> Do từ nhân gian mà vượt thoát tam giới, sanh thẳng về Cực Lạc, không phải theo thứ tự sanh lên từng tầng trời, giống như con sâu đục ngang ống tre liền thoát ra được nên gọi là “hoành siêu” hoặc “hoành xuất”.

phải chỉ là tương ứng với A Di Đà Phật, đấng Đạo Sư của thế giới Cực Lạc, mà trên thực tế là tương ứng với mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Công đức lợi ích này quả thật không gì sánh bằng, hiểu rõ đạo lý thì sẽ niệm Phật chẳng đến nổi bỏ dở giữa chừng.

*(Giải) Hựu, hành nhân tín nguyện trì danh, toàn nhiếp Phật công đức thành tự công đức. Cổ diệc viết “A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi”. Hạ hựu viết: “Chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức”, thị chư Phật, Thích Ca giai dĩ A Di vi Tự dã.*

(解) 又。行人信願持名。全攝佛功德。成自功德。故亦曰阿彌陀佛。不可思議功德之利。下又曰。諸佛不可思議功德。我不可思議功德。是諸佛釋迦。皆以阿彌為自也。

*(Giải: Lại nữa, hành nhân tín nguyện trì danh hoàn toàn thu nhiếp công đức của Phật thành công đức của chính mình. Vì thế, cũng nói: “Công đức lợi ích của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn”. Trong đoạn dưới, [kinh văn] lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật”, “công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta”, tức là chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm Tự).*

Cách nói này quả thật rất ít nghe tới. Chúng ta suy nghĩ kỹ càng sẽ thấy rất có lý. “*Tín nguyện trì danh*” là mấu chốt trong sự tu học của Tịnh Tông, nguyên tắc tu học là nhất tâm chấp trì danh hiệu thì có thể hoàn toàn biến công đức từ vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình. Nếu quả thật là sự thật thì [người tu pháp môn Niệm Phật] sẽ chiếm tiện nghi to lớn. Các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới tu hành trong vô lượng kiếp, tu hết sức nhọc nhằn, vẫn chẳng thể thành tựu được vài phần công đức của A Di Đà Phật. Người tu Tịnh Độ do tín nguyện trì danh, trong một thời gian rất ngắn mà công đức, lợi ích thù thắng vượt trội các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tu hành khổ nhọc trong nhiều năm. Đây là sự thật. Trong nội dung của Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và kinh này đều có những đoạn kinh văn giảng rõ: Người niệm Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng sẽ vô lượng thọ. Kinh Vô Lượng Thọ lại nói thân thể, tướng mạo, các thứ thụ dụng và thân thông đạo lực của họ đều tương tự A Di Đà Phật thì há chẳng phải là đã thu nhiếp công đức của Phật để thành công đức của chính mình hay sao? Dù thấy lời đại sư nói quả đúng là sự thật. Kinh văn lại nói: “*Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta*”, ở đây có hai thuyết:

- 1) Chư Phật là A Di Đà Phật.
- 2) Chư Phật là mười phương hết thấy chư Phật Như Lai.

Hai thuyết này đều hợp lý. Do đây có thể suy ra: Mười phương hết thấy chư Phật và Phật Thích Ca đều coi A Di Đà Phật là chính mình, Tự và Tha chẳng hai. Nói theo tâm tánh thì tâm tánh của năng niệm (cái tâm của chư Phật và cái tâm của chúng sanh) là một chứ không phải hai, tâm tánh và công đức của danh hiệu đều chẳng thể nghĩ bàn. Đã có lý luận này thì ắt có sự thật.

Từ đoạn kinh nói về sáu phương Phật trở đi, đại sư phán định thuộc vào phần Lưu Thông, Ngài nói “*chỉ có Phật và Phật mới có thể gánh vác sứ mạng lưu thông*”. Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại cương, đơn giản một lượt. Bản dịch của La Thập đại sư chỉ ghi sáu phương, còn Huyền Trang đại sư phiên dịch trực tiếp theo bản tiếng Phạn, ghi là mười phương. Ngài La Thập dịch ý, người Trung Quốc thích đơn giản, sáu phương là nói rút gọn, nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn. Sáu phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Mười phương là sáu phương thêm vào Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc. Mỗi phương có vô lượng vô biên thế giới, mỗi một thế giới đều có một vị Phật giáo hóa.

Mỗi một phương đều nói “*như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật*” (các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó). Thuở đức Phật tại thế, phần lớn thời gian Ngài giảng kinh ở quanh lưu vực sông Hằng. Cát sông Hằng rất mịn, giống như bột mì. Sông Hằng dài mấy ngàn dặm, cát sông Hằng chẳng thể đếm nổi số. Khi Phật nói đến số lượng nhiều, thường dùng cát sông Hằng để làm tỷ dụ. Cát sông Hằng tuy nhiều, nhưng số lượng còn có giới hạn, chứ các thế giới ở mỗi phương trong mười phương là vô lượng vô biên; vì thế, chư Phật cũng vô lượng vô biên.

“*Các kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng*” (Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài) chính là khen ngợi, tuyên truyền trọn khắp, giới thiệu Tây Phương A Di Đà Phật với hết thảy chúng sanh, từ trước đến nay chưa hề ngừng, phạm vi giáo hóa trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.

“*Thuyết thành thật ngôn*”: Ý nói những điều được nói trong kinh này đều là những pháp thực tại. Những kinh điển khác cũng đều là những lời thành thật, như kinh Kim Cang dạy: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả*” (Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói đúng sự thật, nói đúng lý đúng pháp, chẳng nói lời dối gạt, chẳng nói sai khác). “*Chân*” là không giả, “*thật*” là thực tại, chẳng hư vọng, “*như*” là không tăng, không giảm, đúng mức, “*bất cuống*” là chẳng lừa dối. Sao lại chỉ nói kinh này là lời thành thật? Là vì kinh này dạy trực tiếp cách tu thành Phật cho phàm phu; do kinh này quá huyền diệu, rất nhiều người chẳng tin tưởng. Vì thế, phải đặc biệt nhấn mạnh “*thuyết thành thật ngôn*” (nói lời thành thật). Có người bảo tôi: “*Đối với pháp môn Tịnh Độ, có những vị pháp sư đại đức thốt ra nhiều lời lẽ phê bình và chẳng thể tin tưởng pháp này*”. Tôi bảo người ấy: “*Bạn chưa đọc kỹ kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh đã nói rành rành: ‘Nhược phi vãng tích tu phước huệ, ư thủ chánh pháp bất năng văn’* (Nếu chẳng tu phước huệ trong đời quá khứ, sẽ chẳng thể nghe chánh pháp này). Bọn họ chẳng thể tin tưởng thì có gì lạ đâu!” Như trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh Chương, Thiện Đạo đại sư đã nói: Hàng Thập Địa Bồ Tát cùng nhau nói với quý vị, bậc Đăng Giác Bồ Tát cùng nhau nói với quý vị, quý vị chẳng cần phải tin tưởng. Chỉ tin tưởng lời Phật. Hễ tin tưởng pháp môn này, vâng theo lời dạy mà hành, là do trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, có thiện căn vượt trội hết thảy chúng sanh, chứ chẳng phải chỉ một sớm một chiều mà

hòng thành tựu được. Chính mình gặp được pháp môn này mà có thể tin tưởng, phát nguyện thì mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đều chúc mừng quý vị, khen ngợi quý vị: “Ngày nay thiện căn, phước đức của quý vị đã chín muồi rồi, cơ duyên thành Phật đã đến rồi!”

Cuối cùng, đức Phật nói: Chúng sanh các người hãy nên tin tưởng bộ kinh này, kinh có tên là “*Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*”. Khi phiên dịch, La Thập đại sư đổi tên kinh thành “*Phật Thuyết A Di Đà Kinh*”. La Thập đại sư dùng tên kinh này nhằm làm cho chúng ta vừa nhìn vào tựa đề kinh liền niệm một câu A Di Đà Phật, đấy chính là phương tiện thiện xảo của người dịch kinh. “*Xung tán*” là hết thấy chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Phật dùng bốn mươi tám nguyện tiếp dẫn hết thấy chúng sanh căn cơ đã chín muồi trong mười phương pháp giới. Người căn cơ chín muồi bèn tin tưởng, phát nguyện, hành trì, nhất định vãng sanh trong một đời này. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu niệm thì là [căn cơ, nhân duyên] còn chưa chín muồi, chẳng thể vãng sanh trong đời này, vẫn luân hồi trong lục đạo. Tên kinh này cũng có thể nói là *Nhất Thiết Chư Phật Bất Khả Tư Nghị Công Đức*. Nếu không có Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, đề xướng, làm sao chúng ta biết được? Đức Thế Tôn giới thiệu cõi nước Cực Lạc giống như một trường học lớn. Đức Thế Tôn và mười phương chư Phật thay mặt A Di Đà Phật đến các nơi chiêu sinh, lại được hết thấy chư Phật tuyên dương, khen ngợi. Theo khảo chứng, Thiện Đạo đại sư là hóa thân của A Di Đà Phật; lời Thiện Đạo đại sư nói là lời A Di Đà Phật nói. Ngài nói: “*Như Lai sở dĩ xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm nói ra biến bốn nguyện của A Di Đà Phật*”. Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, tức là giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ cho thế gian. Đã là như vậy thì cả đời đức Thế Tôn giảng ba kinh Tịnh Độ là đủ rồi, cần gì phải giảng nhiều pháp môn khác? Là vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã đến nên mới nói pháp môn này. Kinh này chẳng phải vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát mà nói. Cơ duyên thành Phật của họ còn chưa đến thì có nói cũng vô dụng, họ chẳng tiếp nhận. Nếu họ thuộc căn tánh Bồ Tát thì giảng cho họ Đại Thừa Phật pháp. Nếu họ là căn tánh Duyên Giác hay Thanh Văn thì giảng pháp Tiểu Thừa cho họ. Họ không có ý nghĩ thoát khỏi tam giới, nên nói với họ những kinh điển giảng về trời người, để đời sau được thân người và hạnh phúc mỹ mãn. Do vậy, nói vô lượng vô biên pháp môn nhằm thích ứng những căn tánh khác nhau. Kinh này chuyên đề nói với những chúng sanh căn cơ chín muồi, vượt trội những vị Bồ Tát. Chỉ cần tin tưởng pháp môn này thì tất cả hết thấy chư Phật, không một vị nào chẳng hộ niệm. Chúng ta niệm bộ kinh này liền được hết thấy chư Phật hộ niệm.

Mật Tông có chuyện quán đảnh. Ở nước Mỹ và Đài Loan, nếu có Kim Cang thượng sư Rinpoche<sup>9</sup> của Mật Tông đến, là mọi người xúm nhau đông nghịt xin

---

<sup>9</sup> Chữ Thượng Sư được dịch từ chữ Guru, nghĩa gốc chỉ có nghĩa là thầy. Nhưng trong Ấn Độ Giáo, Mật Tông Tây Tạng, Guru có nghĩa là một vị thầy có tu chứng, đạt đến một trình độ rất khác; thậm chí coi như là hóa thân của một vị Phật hay một vị Bồ Tát. Thậm chí, khi tu tập,

quán đánh. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư của Mật Tông, tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, cụ có giảng rõ ý nghĩa quán đánh. “*Quán*” (灌) có nghĩa là từ bi che chở, gia hộ, “*đánh*” (頂) có nghĩa là pháp môn chí cao vô thượng. Như vậy, “*quán đánh*” là đem pháp môn cao tột vô thượng của đức Phật truyền dạy cho quý vị, mà pháp môn cao tột vô thượng bậc nhất của chư Phật Như Lai lại chính là kinh A Di Đà. Nếu niệm một biến thì cũng giống như được hết thầy chư Phật quán đánh cho quý vị một lượt. Người niệm Phật suốt ngày từ sáng đến tối sẽ được thâm đắm Phật quang, nhưng chính mình mê hoặc điên đảo, đối với lợi ích công đức thù thắng này hoàn toàn chẳng biết, thật là đáng thương!

## **PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH YẾU GIẢI GIẢNG KÝ** **Phần 8 hết**

---

quán tướng, họ đồng nhất vị Guru mình quy y với bốn tôn (yidam) của Mật pháp họ đang tu. Mật Tông Tây Tạng cho rằng nếu không nương tựa nơi Guru, hành nhân sẽ không thể nào đạt bất cứ thành tựu nào, và ngoài quy y ba ngôi Tam Bảo, họ còn thêm vào một ngôi thứ tư là Guru. Rinpoche (thường được người Hoa phiên âm là Nhân Ba Thiết) là một mỹ hiệu để tôn xưng những vị lạt-ma Tây Tạng. Rinpoche có nghĩa là “đáng tôn quý”. Thoạt đầu, từ ngữ này thường chỉ dùng để gọi những lạt-ma tái sanh, nhưng về sau thường được dùng để gọi tất cả các lạt-ma. Tuy vậy, danh xưng Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Padmasambhava (Liên Hoa Sanh đại sĩ, sơ tổ Mật Tông Tây Tạng).